

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM



ĐƯỜNG THỊ KẾT

Tên đề tài:

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG
THÔN MỚI TẠI XÃ MINH LONG – HUYỆN HẠ LANG
TỈNH CAO BẰNG ĐẾN THÁNG 6 NĂM 2014**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Hệ đào tạo	: Chính quy
Chuyên ngành	: Địa chính môi trường
Khoa	: Quản lý tài nguyên
Khóa học	: 2011 - 2015

Thái Nguyên, năm 2015

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM



ĐƯỜNG THỊ KẾT

Tên đề tài:

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG
THÔN MỚI TẠI XÃ MINH LONG – HUYỆN HẠ LANG
TỈNH CAO BẰNG ĐẾN THÁNG 6 NĂM 2014**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Hệ đào tạo	: Chính quy
Chuyên ngành	: Địa chính môi trường
Khoa	: Quản lý tài nguyên
Lớp	: K43 - ĐCMT - N01
Khóa học	: 2011 - 2015
Giảng viên hướng dẫn	: ThS. Nguyễn Minh Cảnh

Thái Nguyên, năm 2015

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt thời gian thực tập, rèn luyện và tu dưỡng tại Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên. Được sự giúp đỡ của các thầy cô giáo và bạn bè em đã hoàn thành khóa học của trường và nhận đề tài thực tập tốt nghiệp.

Được sự đồng ý của Ban giám hiệu nhà trường, thầy cô giáo Khoa Quản lý tài nguyên, Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên em đã tiến hành thực tập tốt nghiệp tại UBND xã Minh Long với đề tài ***“Đánh giá kết quả thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới tại Xã Minh Long – huyện Hạ Lang – tỉnh Cao Bằng đến tháng 6 năm 2014”***

Báo cáo tốt nghiệp hoàn thành ngoài sự cố gắng của bản thân, nhờ sự quan tâm giúp đỡ của các đơn vị, cơ quan và nhà trường.

Em xin chân thành cảm ơn trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên, nơi đã đào tạo, giảng dạy, giúp đỡ em trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu tại nhà trường.

Em vô cùng cảm ơn thầy giáo – cán bộ giảng dạy th.sỹ Nguyễn Minh Cảnh, người đã trực tiếp hướng dẫn, chỉ bảo và giúp đỡ em tận tình trong suốt thời gian thực hiện đề tài.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Quản lý Tài nguyên và Môi trường. Đồng thời, em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của UBND xã Minh Long, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng và các phòng ban trong xã đã nhiệt tình giúp đỡ trong quá trình thực hiện đề tài.

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 11 năm 2014

Sinh viên

Đường Thị Kết

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 4.1: Hiện trạng sử dụng đất của xã Minh Long năm 2013	15
Bảng 4.2: Hiện trạng phân bố dân cư theo các thôn trên địa bàn xã	19
Bảng 4.3: Hiện trạng đường giao thông xã Minh Long	21
Bảng 4.4 : Hiện trạng trạm biến áp và đường dây điện xã Minh Long	23
Bảng 4.5: Hiện trạng nhà ở dân cư xã Minh Long.....	26
Bảng 4.6: Hiện trạng công trình thủy lợi xã Minh Long	31
Bảng 4.7: Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí Quy hoạch	34
Bảng 4.8: Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí Hạ tầng kinh tế - xã hội.....	41
Bảng 4.9: Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí Kinh tế và tổ chức sản xuất.....	45
Bảng 4.10. Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí Văn hóa – Xã hội – Môi trường.....	48
Bảng 4.11: Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí Hệ thống chính trị	49

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 4.1. Biểu đồ hiện trạng sử dụng đất của xã Minh Long năm 2013.....	15
Hình 3.1: UBND xã Minh Long	25
Hình 3.2: Trường THPT Bằng Ca.....	27
Hình 3.3: Trường tiểu học Minh Long.....	28
Hình 3.4: Trạm y tế xã	29
Hình 3.5: Bưu điện	38
Hình 3.6: Dạng nhà ở cấp I	39
Hình 3.7: Dạng nhà tạm	39

CÁC KÝ TỰ VIẾT TẮT

CNH – HĐH	:	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
GTVT	:	Giao thông vận tải
KT – XH – MT	:	Kinh tế - Xã hội – Môi trường
NTM	:	Nông thôn mới
SX – KD	:	Sản xuất – Kinh doanh
THCS	:	Trung học cơ sở
UBND	:	Ủy ban nhân dân
VH – TT – DL	:	Văn hóa – Thể thao – Du lịch
MTTQ	:	Mặt Trận Tổ Quốc
NTM	:	Nông thôn mới
QĐ-TTg	:	Quyết định - Thủ tướng
THPT	:	Trung học phổ thông
TM-DL	:	Thương mại-du lịch
TTCN	:	Tiểu thủ công nghiệp
TW	:	Trung ương
NĐ-CP	:	Nghị định - chính phủ
NQ-TW	:	Nghị quyết - Trung ương
VH-TT-DL	:	Văn hóa thể thao và du lịch
GDP	:	Tổng sản phẩm quốc nội

MỤC LỤC

PHẦN 1. ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
1.1. Tính cấp thiết của đề tài	1
1.3 Yêu cầu.....	2
1.4. Ý nghĩa của đề tài.....	2
1.4.1. Ý nghĩa trong học tập và nghiên cứu	2
1.4.2. Ý nghĩa trong thực tiễn	3
PHẦN 2. TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU.....	4
2.1. Cơ sở lý luận về nông thôn mới	4
2.1.1 Vị trí, vai trò của nông thôn mới trong sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước	4
2.1.2 Căn cứ pháp lý lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới cấp xã.....	4
2.2.3. Tình hình thực hiện chương trình nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.....	9
2.2.4. Tình hình thực hiện chương trình nông thôn mới trên địa bàn huyện Hạ Lang	9
PHẦN 3. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	11
3.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	11
3.2. Nội dung nghiên cứu.....	11
3.2.1. Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của xã có liên quan đến phát triển nông thôn mới	11
3.2.2. Đánh giá các tiêu chí xây dựng nông thôn mới	11
3.2.2.1. Nhóm tiêu chí về quy hoạch	11
3.2.2.2. Nhóm tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội.....	11
3.2.2.3. Nhóm tiêu chí kinh tế và tổ chức sản xuất.....	11
3.2.2.4. Nhóm tiêu chí văn hóa – xã hội – môi trường	11
3.2.2.5 Nhóm tiêu chí về hệ thống chính trị.....	11
3.3 Phương pháp nghiên cứu.....	12

3.3.1 Phương pháp điều tra, thu thập số liệu, tài liệu.....	12
3.3.2 Phương pháp phân tích, xử lý số liệu.....	12
3.3.3 Phương pháp so sánh.....	12
3.3.4 Phương pháp bản đồ.....	12
PHẦN 4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....	13
4.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội xã Minh Long.....	13
4.1.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên	13
4.1.1.1. Vị trí địa lý	13
4.1.1.2. Đất đai và địa hình	13
4.1.1.3. Đặc điểm khí hậu, thời tiết.....	14
4.1.2. Các nguồn tài nguyên.....	15
4.1.2.1. Tài nguyên đất.....	15
4.1.2.2. Tài nguyên nước.....	16
4.1.2.3. Tài nguyên rừng	16
4.1.2.4. Tài nguyên nhân văn	17
4.1.2.5. Thực trạng môi trường	17
4.1.3. Điều kiện kinh tế - xã hội.....	17
4.1.3.1. Khái quát về thực trạng phát triển kinh tế.....	17
4.1.3.2. thực trạng phát triển kinh tế	18
4.1.3.3. Dân số, lao động, việc làm, thu nhập.....	18
4.1.3.4. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng xã hội.....	20
4.1.3.5. Thực trạng văn hóa – xã hội.....	27
4.1.3.6. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và môi trường	30
4.1.4. Đánh giá tổng hợp hiện trạng.....	32
4.1.4.1. Thuận lợi	32
4.1.4.2. Khó khăn	33
4.2. Đánh giá tình hình thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới xã Minh Long.....	33

4.2.1. Nhóm tiêu chí 1: Quy hoạch	34
4.2.2. Nhóm tiêu chí 2: Hạ tầng kinh tế - xã hội.....	35
4.2.3. Nhóm tiêu chí 3: Kinh tế và tổ chức sản xuất.....	42
4.2.4. Nhóm tiêu chí 4: Văn hóa – Xã hội – Môi trường.....	45
4.2.5. Nhóm tiêu chí 5: Hệ thống chính trị	49
4.2.6. Nhận xét	50
4.3. Giải pháp thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới.....	53
PHẦN 5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	55
5.1 Kết luận	55
5.2. Kiến nghị.....	56
TÀI LIỆU THAM KHẢO	59

PHẦN 1

ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong quá trình CNH – HDH nông nghiệp nông thôn và hội nhập nền kinh tế thế giới, sự chênh lệch giữa nông thôn và thành thị ngày một gia tăng. Vì vậy, việc phát triển nông nghiệp nông thôn ngày càng quan trọng góp phần phát triển kinh tế, xã hội bền vững chung của đất nước.

Thực hiện Nghị quyết lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phấn đấu đạt mục tiêu nâng cao đời sống vật chất, tinh thần dân cư nông thôn, hài hòa giữa các vùng. Xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại bền vững, sản xuất hàng hóa lớn có năng suất, chất lượng hiệu quả đồng thời xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng, kinh tế - xã hội hiện đại có cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý gắn nông nghiệp với công nghiệp dịch vụ, đô thị theo quy hoạch xã hội nông thôn ổn định giàu bản sắc văn hóa dân tộc, môi trường sinh thái được bảo vệ, nâng cao sức cạnh tranh của hệ thống chính trị. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ về phát triển nông thôn từ ban hành các chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng mô hình thí điểm xây dựng nông thôn mới nhằm rút kinh nghiệm, đề xuất các cơ chế chính sách và phương pháp triển khai trên diện rộng. Nhằm thực hiện mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020. Về chương trình xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Cao Bằng,

Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng có nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 05/07/2012 về việc xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020.

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2020, phát triển kinh tế nông thôn có ý nghĩa quan trọng đối với việc nâng cao thu nhập và mức sống của người dân, xây dựng nông thôn mới vẫn là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của Đảng, chính quyền và nhân dân trong xã. Trong khi đó, quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa diễn ra mạnh mẽ sẽ làm thay đổi bộ mặt nông thôn, đồng thời tác động đến quá trình sử dụng đất, kinh tế, đời sống, văn hóa và xã hội ở nông thôn. Chính vì thế quy

hoạch nông thôn mới đến năm 2020 của xã Minh Long là một chiến lược quan trọng và cần thiết nhằm khai thác và sử dụng tối đa các nguồn lực để xây dựng và phát triển một nền nông nghiệp có hiệu quả kinh tế cao và bền vững, bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp.

Với yêu cầu cấp thiết của đề tài về việc xem xét, đánh giá tình hình thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, nhằm tìm ra hướng đi tốt hơn cho xã, được sự phân công của Khoa Quản lý tài nguyên và sự hướng dẫn của Th.sỹ Nguyễn Minh Cảnh. Tôi đã tiến hành nghiên cứu thực hiện đề tài:

“Đánh giá kết quả thực hiện của chương trình xây dựng nông thôn mới tại xã Minh Long - huyện Hạ Lang - tỉnh Cao Bằng đến tháng 6 năm 2014”.

1.2 Mục đích

- Đánh giá kết quả thực hiện 19 tiêu chí trong chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã đến tháng 6 năm 2014.
- Đánh giá một cách tổng thể thực trạng đời sống, việc làm, thu nhập và các tiêu chí khác của đời sống xã hội cộng đồng dân cư nông thôn.
- Đề xuất các giải pháp nhằm thực hiện các tiêu chí chưa đạt

1.3 Yêu cầu

Rà soát đánh giá, phân tích hiện trạng tổng thể toàn xã và so sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới ban hành theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Từ đó đưa ra các giải pháp nhằm xây dựng các lộ trình để trở thành xã nông thôn mới.

1.4. Ý nghĩa của đề tài

1.4.1. Ý nghĩa trong học tập và nghiên cứu

- Nâng cao kiến thức, kỹ năng và rút kinh nghiệm thực tế phục vụ cho công tác sau này.
- Có được cái nhìn tổng thể về thực trạng về hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn trên địa bàn xã .

- Đề tài cũng được coi là một tài liệu tham khảo cho trường, khoa, các cơ quan trong các ngành và các sinh viên khóa tiếp theo.

1.4.2. Ý nghĩa trong thực tiễn

- Đề tài góp phần vào tìm hiểu, phân tích, đánh giá thực trạng cơ sở hạ tầng và đưa ra các giải pháp để xây dựng xã Minh Long đạt tiêu chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới.

- Qua việc nghiên cứu xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội trong xây dựng nông thôn mới nhằm tìm ra những phương án khả thi cũng như những thuận lợi, khó khăn, giải pháp thực hiện các công trình, cũng là cơ sở giúp cho xã Minh Long có những định hướng phát triển phù hợp với điều kiện của địa phương.

PHẦN 2

TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý luận về nông thôn mới

2.1.1 Vị trí, vai trò của nông thôn mới trong sự nghiệp công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước

Cùng với sự phát triển của đất nước, thực hiện chủ trương của Đảng về phát triển nông thôn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với các địa phương tiến hành xây dựng thí điểm một số mô hình nông thôn mới ở quy mô xã, thôn, ấp, bản đã chiếm một vị trí chiến lược quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng nông thôn mới là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, đời sống của nông dân được cải thiện nhiều, bộ mặt nông thôn đã có những biến đổi sâu sắc, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc phòng, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước.

2.1.2 Căn cứ pháp lý lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới cấp xã

- Nghị quyết 26/NQ-TW ngày 5/8 của BCH TW đảng khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;
- Nghị quyết số 24/NQ-CP ngày 28/10/2008 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết TW VII khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;
- Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;
- Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4/6/2010 V/v phê duyệt chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;
- Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTT ngày 13/4/2011 của Liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ kế hoạch và đầu tư, Bộ tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ;
- Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày

28/10/2011 của liên Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp & PTNT, Bộ Tài Nguyên và Môi trường về quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới;

- Quyết định Số 695/QĐ-TTg ngày 8/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020;

- Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/2/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bộ tiêu chí quốc gia NTM.

- Thông tư số 41/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

- Nghị quyết Số 11-NQ/TU ngày 18/10/2011 tại Hội nghị lần thứ 7 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng về lãnh đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 – 2015, định hướng đến năm 2020;

- Nghị quyết Số 20/NQ-HĐND ngày 05/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng về Chương trình xây dựng NTM tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2011 – 2020;

- Chương trình hành động số 09-CTr/HU ngày 10/8/2011 của Huyện Ủy huyện Hạ Lang về xây dựng và phát triển nông thôn mới của huyện giai đoạn 2011 – 2015 và định hướng năm 2020.

- Công văn số 73/UBND-NN ngày 16/5/2011 của UBND huyện Hạ Lang về việc chỉ đạo, thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020.

- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ xã Minh Long lần thứ XIX về việc phát triển sản xuất kinh tế xã hội, An ninh – Quốc phòng giai đoạn 2010 – 2015.

- Các thông tư, hướng dẫn thực hiện xây dựng mô hình nông thôn mới của các Bộ, Ngành có liên quan.

2.2 Cơ sở thực tiễn

2.2.1 Tình hình thực hiện chương trình nông thôn mới trên thế giới

Phát triển nông nghiệp để xây dựng một nông thôn mới trong giai đoạn hiện nay đang là mối quan tâm chung của cả cộng đồng thế giới. Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới về vấn đề này là bài học cho Việt nam.

Mỹ: phát triển ngành “kinh doanh nông nghiệp”

Mỹ là nước có điều kiện tự nhiên cực kỳ thuận lợi để phát triển nông nghiệp. Lượng mưa vừa đủ cho hầu hết các vùng của đất nước, nước sông và nước ngầm cho phép tưới rộng khắp cho những nơi thiếu mưa.

Ngành nông nghiệp Mỹ đã phát triển thành một ngành “kinh doanh nông nghiệp”, một khái niệm được đặt ra để phản ánh bản chất tập đoàn lớn của nhiều doanh nghiệp trong nền kinh tế Mỹ hiện đại. Sự ra đời ngành kinh doanh nông nghiệp vào cuối thế kỷ XX đã tạo ra ít trang trại hơn, nhưng quy mô các trang trại thì lớn hơn nhiều. Đôi khi được sở hữu bởi những cổ động vắng mặt, các trang trại mang tính tập đoàn này sử dụng nhiều máy móc hơn và ít bàn tay của nông dân hơn. Vào năm 1940, Mỹ có 6 triệu trang trại và trung bình mỗi trang trại có diện tích khoảng 67 ha, đến cuối thập niên 90 của thế kỷ XX, số trang trại chỉ còn 2,2 triệu nhưng trung bình mỗi trang trại có diện tích 190 ha.

Hàn Quốc: Phong trào Làng mới

Cuối thập niên 60 của thế kỷ XX, GDP bình quân đầu người của Hàn Quốc chỉ có 85 USD; 80% dân nông thôn không có điện thắp sáng và phải dùng đèn dầu, sống trong những căn nhà lợp bằng lá. Là nước nông nghiệp trong khi lũ lụt và hạn hán lại xảy ra thường xuyên, mối lo lớn nhất của chính phủ đó là làm sao đưa đất nước thoát khỏi đói, nghèo.

Phong trào Làng mới (SU) ra đời với 3 tiêu chí: cần cù, tự lực vượt khó và hợp tác (hiệp lực cộng đồng). Năm 1970, sau những dự án thí điểm đầu tư cho nông thôn có hiệu quả, Chính phủ Hàn Quốc đã chính thức phát động phong trào SU và được nông dân hưởng ứng mạnh mẽ.

Bộ mặt nông thôn Hàn Quốc đã có những thay đổi hết sức kỳ diệu. Chỉ sau 8 năm, các dự án phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn cơ bản được hoàn thành. Trong 8 năm từ 1971 – 1978, Hàn Quốc đã cứng hóa được 43,631 km đường làng nối với đường của xã, trung bình mỗi làng nâng cấp được 1.322 m đường, cứng hóa đường ngõ xóm 42.220 km.

Một số kinh nghiệm trong phát triển nông nghiệp, nông thôn nêu trên cho thấy, những ý tưởng sáng tạo, khâu đột phá và sự trợ giúp hiệu quả của nhà nước

trên cơ sở phát huy tính tự chủ, năng động, trách nhiệm của người dân để phát triển khu vực này, có ý nghĩa và vai trò hết sức quan trọng đối với việc công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành công nông nghiệp - tạo nền tảng thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2.2.2. Tình hình thực hiện chương trình nông thôn mới tại Việt Nam

Theo đánh giá của Ban chỉ đạo Trung ương Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới, sau gần 3 năm thực hiện (2009- 2011), với sự nỗ lực cao của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các xã điểm. Ban Chỉ đạo các cấp, các Bộ, ngành liên quan, các nội dung trong Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới đã được triển khai thực hiện toàn diện, tích cực và cơ bản đã đạt được yêu cầu, mục tiêu đề ra, cụ thể là:

-Về quy hoạch nông thôn mới: Với sự hỗ trợ của cán bộ các đơn vị tư vấn ngành xây dựng, Ban Quản lý chương trình ở các xã điểm đã rà soát, kế thừa, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch đã có, xây dựng các quy hoạch theo yêu cầu của chương trình xây dựng nông thôn mới để Đảng bộ và nhân dân trong xã thảo luận, hoàn chỉnh, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt theo quy định của Luật xây dựng.

- Về xây dựng cơ sở hạ tầng: Đây là nội dung quan trọng để thúc đẩy sản xuất, cải thiện điều kiện sống của nhân dân. Để chuẩn bị thực hiện nội dung này, các xã điểm đều khảo sát, đánh giá thực trạng hệ thống cơ sở hạ tầng hiện có và dựa trên các tiêu chí về cơ sở hạ tầng của xã nông thôn mới để xác định những việc cần làm, những công trình cần xây dựng, đưa ra nhân dân thảo luận, lựa chọn cách làm và thứ tự ưu tiên làm trước, làm sau....Với việc triển khai thực hiện tập trung tích cực, đến hết năm 2011, cơ sở hạ tầng ở 11 xã điểm “ 1- xã Thanh Chấn (tỉnh Điện Biên); 2- xã Tân Thịnh (tỉnh Bắc giang); 3- xã Hải Đường (tỉnh Nam Định); 4 – xã Gia Phố (tỉnh Hà Tĩnh); 5-xã Tam Phước (tỉnh Quảng Nam); 6 – xã Tân Hội (tỉnh Lâm Đồng); 7 - xã Tân Lập (tỉnh Bình Phước); 8 – xã Mỹ Long Nam (tỉnh Trà Vinh); 9-xã Định Hòa (tỉnh Kiên Giang); 10- xã Thụy Hương (thành phố Hà Nội); 11-xã Tân Thông Hội (thành phố Hồ Chí Minh)” đã cơ bản được cải tạo, nâng cấp, xây dựng khá đồng bộ, tuy ở mức độ khác nhau, nhưng đã làm thay đổi rõ rệt diện mạo nông thôn.

-Về phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân: Đây là một trong những nội dung chủ yếu, quan trọng nhất của chương trình, yếu tố quyết định sự phát triển bền vững, lâu dài của mô hình, nhưng cũng là nội dung khó nhất nên được Ban chỉ đạo các cấp tập trung chỉ đạo. Nông dân các xã ngày càng mạnh dạn vay vốn ngân hàng để đầu tư phát triển sản xuất. Vốn tín dụng chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng vốn xây dựng nông thôn mới ở các xã. Sản xuất phát triển, thu nhập của người dân ở 11 xã điểm năm 2011 tăng bình quân 62,6% so với năm 2008. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh. Trong ba năm, xã giảm nghèo thấp nhất cũng được 6 -7 %, cao nhất giảm được 14%.

- Về văn hóa, xã hội, môi trường: Sau thời gian đầu tập trung nhiều vào xây dựng kết cấu hạ tầng, các xã đã ngày càng quan tâm hơn đến phát triển giáo dục, y tế, nước sạch và vệ sinh môi trường; cải tạo nhà ở (xóa nhà tạm), xây dựng ba công trình vệ sinh ở hộ gia đình, phát triển các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, khôi phục các lễ hội văn hóa truyền thống, góp phần nâng chất lượng cuộc sống và làm phong phú thêm đời sống tinh thần ở nông thôn.

-Về xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh: Vừa là mục tiêu, vừa là cơ sở bảo đảm việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Chương trình xây dựng nông thôn mới được các cấp ủy Đảng, chính quyền xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tham gia tích cực với nhiều cách làm phong phú, sáng tạo.

-Về nguồn lực để thực hiện Chương trình: Ban đầu, ngân sách Nhà nước trung ương hỗ trợ cho 11 xã điểm 300 tỷ đồng, bình quân 27,2 tỷ đồng/xã. Khi chương trình được triển khai, càng ngày các xã càng thu hút được nhiều nguồn lực mới. Nhân dân các xã đóng góp tiền, công sức, vật liệu, hiến đất, vận động con em của xã làm việc ở các cơ quan, đơn vị đóng góp xây dựng quê hương. Ngoài ngân sách Trung ương, các tỉnh, huyện, xã cũng dành một phần ngân sách hỗ trợ cho chương trình.

Tóm lại, khi bắt tay vào làm điểm, mặc dù các xã được chọn là diện xã trung bình khá của các tỉnh, thành phố nhưng so với 19 tiêu chí của xã nông thôn mới thì mức độ đạt được còn thấp. Sau 3 năm xây dựng, kết quả đạt được ở các xã tuy khác

nhau, nhưng đến nay đã hình thành được mô hình nông thôn mới theo những yêu cầu của Nghị quyết Trung ương khóa X, được cụ thể hóa bằng 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới. Đồng thời, Chương trình thí điểm đã kiểm nghiệm thực tiễn đối với các tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, cho thấy một số tiêu chí cần nghiên cứu để có sự điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu thực tế của các vùng khác nhau; giúp Chính phủ, các bộ, ngành có cơ sở ban hành cơ chế, chính sách phù hợp, nhất là chính sách về động viên và tạo nguồn lực và rút ra những kinh nghiệm thực tiễn về phương pháp, cách làm chỉ đạo thực hiện.

2.2.3. Tình hình thực hiện chương trình nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Cùng với cả nước, tỉnh Cao Bằng đang chung tay xây dựng nông thôn mới. Với đặc thù của một tỉnh miền núi nghèo, nhiều mục tiêu xây dựng nông thôn mới đang đặt ra khó khăn cho các cấp chính quyền và nhân dân địa phương. Nhưng không vì thế mà tỉnh không quyết tâm thực hiện

Thực hiện chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới (NTM), tỉnh Cao Bằng đã lựa chọn 03 xã để làm điểm bao gồm xã Nam Tuấn, huyện Hòa An; xã Minh Tâm, huyện Nguyên Bình; và xã Hưng Đạo, thành phố Cao Bằng. Đánh giá sau một thời gian triển khai tại các xã điểm này cho thấy diện mạo nông thôn đã có những thay đổi đáng kể. Đời sống, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đời sống nhân dân được nâng lên. Đặc biệt nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp và nhân dân bước đầu có chuyển biến tích cực.

2.2.4. Tình hình thực hiện chương trình nông thôn mới trên địa bàn huyện Hạ Lang

Thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM), huyện Hạ Lang tập trung huy động các nguồn lực triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án trọng điểm, xây dựng cơ sở vật chất tại các xã theo các tiêu chí NTM, tạo bước chuyển biến rõ nét.

Thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới (NTM), từ năm 2011 huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng đã bắt tay vào triển khai thực hiện. Sau 3 năm (2011-2013) thực hiện, bộ mặt nông thôn ở nhiều địa phương của

huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng đã có những đổi mới. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khó khăn tồn tại đặt ra.

Trong những năm tiếp theo, huyện Hạ Lang tiếp tục triển khai các giải pháp tập trung chỉ đạo, huy động lòng ghép các nguồn lực thực hiện các tiêu chí. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chương trình, huy động hệ thống chính trị từ huyện đến các cơ sở chung sức xây dựng NTM, phấn đấu đến năm 2015 - 2016 xã điểm Cô Ngân cơ bản hoàn thành các tiêu chí. Các xã khác trong huyện cũng bắt tay vào triển khai thực hiện và cũng đã đạt được những kết quả ban đầu, trong thời gian tới các xã vẫn sẽ tiếp tục thực hiện để sớm đạt được các tiêu chí đề ra cho từng năm.

PHẦN 3

NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu những vấn đề có tính lý luận và thực tiễn về thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

3.1.2. Phạm vi, địa điểm và thời gian nghiên cứu

- Phạm vi địa điểm nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện trong phạm vi ranh giới hành chính xã Minh Long - huyện Hạ Lang – Tỉnh Cao Bằng.

- Phạm vi thời gian thực hiện đề tài: Từ 18/8 – 30/11/2014

3.2. Nội dung nghiên cứu

3.2.1. Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của xã có liên quan đến phát triển nông thôn mới

3.2.2. Đánh giá các tiêu chí xây dựng nông thôn mới

3.2.2.1. Nhóm tiêu chí về quy hoạch

Quy hoạch và hiện trạng quy hoạch của xã

3.2.2.2. Nhóm tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội

Gồm 8 tiêu chí: Giao thông; thủy lợi; điện; trường học; cơ sở văn hóa xã; chợ nông thôn; bưu điện; nhà ở dân cư.

3.2.2.3. Nhóm tiêu chí kinh tế và tổ chức sản xuất

Gồm 4 tiêu chí: Thu nhập; tỷ lệ hộ nghèo; cơ cấu lao động; hình thức tổ chức sản xuất.

3.2.2.4. Nhóm tiêu chí văn hóa – xã hội – môi trường

Gồm 4 tiêu chí: Giáo dục; y tế; văn hóa; môi trường

3.2.2.5 Nhóm tiêu chí về hệ thống chính trị

Gồm 2 tiêu chí: Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh; an ninh trật tự xã hội.

3.2.3. Đề xuất các giải pháp nhằm thực hiện chương trình Nông thôn mới xã Minh Long

3.3 Phương pháp nghiên cứu

3.3.1 Phương pháp điều tra, thu thập số liệu, tài liệu

- Thu thập số liệu, tài liệu thứ cấp:

Thu thập số liệu, tài liệu có sẵn từ các cơ quan Nhà nước như: Các số liệu của cán bộ địa chính xã, đơn vị tư vấn đo đạc xã, các ban, ngành ở xã, các nghiên cứu đã có trước đây ...

Các số liệu, tài liệu từ các ấn phẩm và các website chuyên ngành.

- Điều tra trực tiếp trên địa bàn xã

- Quan sát trực tiếp.
- Các chỉ tiêu quan sát.

3.3.2 Phương pháp phân tích, xử lý số liệu

Trên cơ sở các số liệu, tài liệu thu thập được về kinh tế, văn hóa, xã hội cùng các tài liệu liên quan đến xây dựng nông thôn mới của xã tiến hành phân tích, nhận xét rồi tổng hợp dưới dạng bảng biểu theo 5 nhóm với đầy đủ 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí Quốc gia về Nông thôn mới.

3.3.3 Phương pháp so sánh

So sánh 19 tiêu chí của xã với Bộ tiêu chí Quốc gia về Nông thôn mới, những tiêu chí đạt chuẩn, tiêu chí nào chưa đạt chuẩn và đạt bao nhiêu phần trăm, có bao nhiêu chỉ tiêu đạt.

3.3.4 Phương pháp bản đồ

Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2013 của xã

Bản đồ chuyên đề về xây dựng nông thôn mới xã Minh Long, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng đến năm 2020

Số liệu về bản đồ được xử lý bằng phần mềm Microstation.

PHẦN 4

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

4.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội xã Minh Long

4.1.1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên

Xã Minh Long là một trong 14 đơn vị hành chính cấp xã của huyện Hạ Lang, có tổng diện tích tự nhiên là 3.932,69 ha.

4.1.1.1. Vị trí địa lý

Minh Long là một xã miền núi biên giới thuộc tỉnh Cao Bằng. Huyện là thị trấn Thanh Nhật nằm trên tỉnh lộ 207, xã cách thị trấn Thanh Nhật 25km về phía Tây nam, cách thành phố Cao Bằng 72km về hướng Đông và có hơn 11,5km đường biên giới giáp với Trung Quốc.

Địa bàn xã có tổng diện tích tự nhiên theo địa giới hành chính là 3.932,69 ha, tiếp giáp với các xã như:

- + Phía Bắc giáp Trung Quốc
- + Phía Nam giáp xã Đồng Loan, huyện Hạ Lang
- + Phía Tây giáp xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh
- + Phía Đông giáp xã Lý Quốc

Xã có tất cả là 10 xóm: Nà Quẩn, Nà Vị, Luộc Khiếu, Bản Khúy, Bản suối, Đa Trên, Đa Dưới, Bản Mới, Bản Thang, Luộc Khénh .

Đường biên giới dài 11,5km, có 12 cột mốc trong đó có 6 mốc chính và 6 mốc phụ từ mốc 837 đến mốc 844. Với vị trí này xã có những điều kiện tương đối thuận lợi giao lưu trao đổi hàng hóa với Trung Quốc và các xã lân cận để thúc đẩy kinh tế phát triển.

4.1.1.2. Đất đai và địa hình

Xã Minh Long hình thành hai khu vực rõ rệt là khu vực núi đá và khu vực núi đất. Độ cao trung bình so với mực nước biển là 300m.

Khu vực núi đá nằm về phía đông nam của xã, tiếp giáp với xã Lý Quốc, có nhiều ngọn núi cao từ 250m đến 800m so với mực nước biển. Khu vực này hình thành

những thung lũng với những đám đất thổ canh thuận lợi cho việc trồng ngô và các loại đỗ, rộng nhất là thung lũng thuộc làng lũng Đa Trên với diện tích gần 5 ha.

Khu vực núi đất nằm về phía bắc của xã, chiếm khoảng năm phần sáu tổng diện tích toàn xã. Trong khu vực núi đất này có hai lòng máng lớn nhất là:

- Lòng máng Bản Suối - Luộc Khiếu - Bản Khúy đã tạo nên con suối Luộc Khiếu. Hai bên bờ suối tạo thành những đám ruộng bậc thang và càng về hạ lưu càng có những cánh đồng khá bằng phẳng. Tổng diện tích ruộng của cả khu lòng máng này là 27,5 ha.

- Lòng máng Luộc Khénh - Bản Thang: Có khe Luộc Khénh với diện tích ruộng là 22,5 ha. Khu vực núi đất cũng là những nơi có nhiều bãi cỏ trên sườn đồi, nên rất thuận lợi cho việc chăn nuôi gia súc.

Với đặc điểm vừa có khu vực núi đá, vừa có khu vực núi đất như vậy nên xã Minh Long có một địa hình địa mạo khá đa dạng, vừa có cánh đồng rộng như ở Bản Thang, Lũng Đa, vừa có nhiều lòng máng, thung lũng và những ngọn núi đồi cao.

4.1.1.3. Đặc điểm khí hậu, thời tiết

Minh Long là xã nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có hai mùa chính là mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 9 trong năm mùa này mưa nhiều nắng, nóng và độ ẩm lớn, trung bình trong năm từ 1400mm đến 1600mm nhưng phân bố không đều. Mưa nhiều tập trung vào mùa hè, chiếm 80% đến 90% lượng mưa trong năm.

Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Mùa này ít mưa nên khô hạn, nhiệt độ thấp do ảnh hưởng của gió mùa Đông bắc nên thường có sương muối, rét lạnh mưa phùn lầy lội.

Nhiệt độ trung bình năm chênh lệch giữa các vùng núi đá và bồn địa chỉ khoảng 2 độ C.

Nhiệt độ trung bình trong năm là 19,8-26,1 độ C, nhiệt độ cao tuyệt đối 36 độ C, nhiệt độ thấp tuyệt đối là 0 độ C.

Những năm có nhiệt độ bất thường gây hạn hán nặng, có mưa tuyết, có mưa tuyết, cuối năm thường hay có sương mù vào ban đêm và buổi sáng sớm, nếu lượng mưa trên 100mm thường gây ngập úng cục bộ và có lũ quét, lũ ống....

4.1.2. Các nguồn tài nguyên

4.1.2.1. Tài nguyên đất

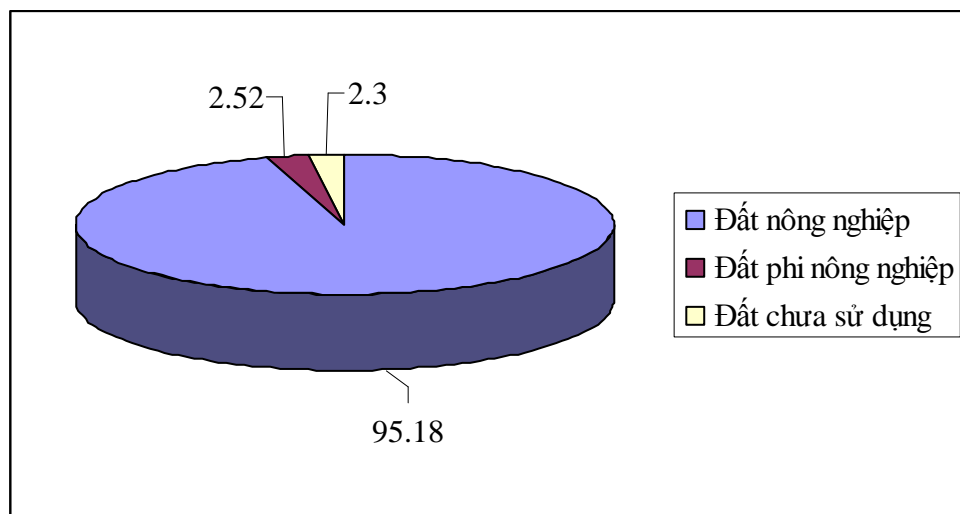
• Về số lượng đất:

Tổng diện tích đất tự nhiên toàn xã có 3.952,69 ha. Cụ thể các loại đất như sau:

Bảng 4.1: Hiện trạng sử dụng đất của xã Minh Long năm 2013

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		3.932,69	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.743,33	95,18
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	99,27	2,52
3	Đất chưa sử dụng	CSD	90,09	2,30

(Nguồn: UBND xã Minh Long)



Hình 4.1. Biểu đồ hiện trạng sử dụng đất của xã Minh Long năm 2013

Chi tiết hiện trạng sử dụng đất của xã Minh Long năm 2013 thể hiện ở biểu đồ 01 phần phụ lục.

Nhận xét:

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2013 của xã Minh Long thì quỹ đất của xã gồm có 3 nhóm đất chính là:

Đất nông nghiệp: chiếm diện tích lớn nhất 3.743,33 ha chiếm 95,18% tổng diện tích tự nhiên xã;

Đất phi nông nghiệp: với 99,27ha, chiếm 2,52% tổng diện tích tự nhiên xã;
Còn lại là đất chưa sử dụng với 90,09 ha, chiếm 2,30% tổng diện tích tự nhiên xã

Là xã miền núi, có quỹ đất rộng lớn, tuy nhiên diện tích đất nông nghiệp vẫn là chủ yếu vì thế nền kinh tế nông nghiệp là chủ đạo từ xưa đến nay và đóng góp lớn vào thu nhập thường xuyên của người dân trong xã.

- Về chất đất:

Về Thổ nhưỡng, toàn xã có hai nhóm đất chính sau:

- Đất màu đồi, địa hình đồi núi thấp, đất soi bãi, đất ruộng phần lớn diện tích để trồng cây lúa nước, cây ngô, cây mía, còn lại trồng cây ngắn ngày khác.
- Đất xói mòn tro sỏi đá

Phân bố ở các núi cao dốc, được hình thành do quá trình rửa trôi, bào mòn mạnh. Hiện tại phần lớn diện tích đã được trồng rừng để phủ xanh, phần còn lại tiếp tục được trồng cây, nâng cao độ che phủ.

Nhìn chung, đất xã đa dạng về chủng loại, chất lượng kém so với nhiều nơi trong huyện. Nhưng có một số diện tích thích hợp trồng các loại cây có giá trị kinh tế như lúa, rau, cây ăn quả, cây quế, hồi.

4.1.2.2. Tài nguyên nước

Nguồn nước mặt khá dồi dào khá lớn ở xóm Nà vị khá lớn và trên địa bàn xã có suối Luộc Khénh, đây là nguồn chính cung cấp nước sản xuất và sinh hoạt của người dân trên địa bàn, còn lại chủ yếu là các ao nhỏ của các hộ gia đình. Nguồn tài nguyên nước của xã chủ yếu từ các nguồn nước ngầm.

4.1.2.3. Tài nguyên rừng

Tổng diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn xã là 3.133,3 ha trong đó 100% là rừng phòng hộ. Trên địa bàn xã không có rừng sản xuất khoanh nuôi và rừng đặc dụng.

Mật độ che phủ rừng còn thấp 66 %. Trồng cây phân tán được triển khai nhưng tỷ lệ sống của cây trồng thấp dưới 60%, tình trạng chặt phá rừng còn xảy ra. Rừng có giá trị kinh tế rất thấp, thu nhập từ rừng hầu như không có, chủ yếu là rừng tự nhiên mới tái sinh trong những năm gần đây, do đã được giao đất rừng đến từng hộ gia đình.

4.1.2.4. Tài nguyên nhân văn

Từ lâu người dân xã Minh Long có truyền thống cần cù trong lao động, anh dũng trong đấu tranh chống phong kiến, chống giặc ngoại xâm, sáng tạo và thông minh trong xây dựng quê hương đất nước. Nếp sống văn hóa ngày càng được củng cố, các sinh hoạt, phong tục tập quán lành mạnh như hội xuống đồng, hát then, hát lượnvẫn được nhân dân bảo tồn và phát triển.

4.1.2.5. Thực trạng môi trường

Trong thời gian qua, công tác bảo vệ môi trường ở xã Minh long đã có chuyển biến tích cực. Hệ thống chính sách, cơ chế từng bước được xây dựng và hoàn thiện. Nhận thức về bảo vệ môi trường của các cấp, các ngành và nhân dân đã được nâng lên đáng kể; mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường đã từng bước hạn chế; công tác bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ đa dạng sinh học đã đạt được những tiến bộ rõ rệt. Những thành tựu đó đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đảm bảo sự phát triển bền vững kinh tế xã hội của xã.

Một số vấn đề đáng lưu ý là:

- Sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp là nguy cơ dễ gây ô nhiễm môi trường đất, nước gây ảnh hưởng đến người trực tiếp sản xuất và người tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp.
- Diện tích đất dùng cho trồng trọt thu hẹp dần và có xu thế bị xói mòn, mất cân đối về dinh dưỡng.
- Rác thải, nước sinh hoạt,... làm mất vệ sinh môi trường

4.1.3. Điều kiện kinh tế - xã hội

4.1.3.1. Khái quát về thực trạng phát triển kinh tế

Trong những năm gần đây, tình hình phát triển kinh tế trên địa bàn có những bước tiến bộ đáng kể. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành TM-DV-DL và CN-TTCN-XD, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp. Tuy nhiên tốc độ chuyển dịch còn tương đối chậm.

Năm 2013, giá trị sản xuất toàn xã đạt 13,194 tỷ đồng. Trong đó: Nông nghiệp 9,625 tỷ đồng (chiếm 72,95%); Thương mại - dịch vụ 3,529 tỷ đồng (chiếm 26.75%), CN - TTCN-XD đạt 0,04 tỷ đồng (chiếm 0,3%).

Tổng thu nhập toàn xã năm 2013 đạt 9.312 tỷ đồng, trong đó: Nông nghiệp đạt 5,820 tỷ đồng (62.50%); Thương mại - dịch vụ đạt 3,472 tỷ đồng (37.28%).

4.1.3.2. thực trạng phát triển kinh tế

Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp năm 2013 đạt 9,625 tỷ đồng, thu nhập nông nghiệp đạt 2,366 tỷ đồng (chiếm 24,58%), chăn nuôi đạt 5,578 tỷ đồng (chiếm 57,95%), lâm nghiệp đạt 1,681 tỷ đồng (chiếm 17,47%).

* Ngành trồng trọt: Cơ cấu cây trồng ở Minh Long tương đối đơn điệu, chủ yếu là trồng lúa, ngô, đỗ tương,... Diện tích gieo trồng ngô cả năm 2013 là 57 ha, sản lượng ngô đạt 171 tấn. Diện tích trồng cây công nghiệp gần đây cả năm chỉ đạt khoảng 29 ha, sản lượng chỉ đạt 16,2 tấn.

* Ngành chăn nuôi: Chăn nuôi có xu thế tăng đàn gia súc, năm 2013, tổng đàn trâu trong xã 393 con, đàn bò 520 con, đàn lợn trên 1.417 con, đàn gia cầm có khoảng 5.140 con.

* Ngành lâm nghiệp: Các hoạt động trong ngành lâm nghiệp chủ yếu là khoanh nuôi bảo vệ rừng phòng hộ. Khai thác lâm sản chủ yếu là củi phục vụ chất đốt cho nhân dân.

** Ngành CN - TTCN – XD*

Ngành CN-TTCN-XD trên địa bàn xã tương đối kém phát triển. Chủ yếu là nấu rượu, sản xuất đồ gỗ và khai thác vật liệu xây dựng.

** Ngành TM-DV-DL*

Trong những năm gần đây, ngành thương mại dịch vụ bắt đầu có sự phát triển mạnh mẽ. Tổng số hộ làm TM-DV-DL trên địa bàn là 19 hộ trong đó có 3 hộ kinh doanh nhà nghỉ; 5 hộ kinh doanh hàng tạp hóa; 8 hộ kinh doanh bia, bánh kẹo; còn lại là kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thực phẩm tươi sống,.....

4.1.3.3. Dân số, lao động, việc làm, thu nhập

a. Dân số

Xã có 10 xóm với 2 dân tộc sinh sống. Theo kết quả điều tra dân số tính đến tháng 06/2014 dân số toàn xã có 2004 khẩu với 443 hộ. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên ở mức 1,0%.

Bảng 4.2: Hiện trạng phân bố dân cư theo các thôn trên địa bàn xã

TT	Tên xóm	Dân số	
		Số hộ	Số dân
1	Bản Thang	56	253
2	Luộc Khénh	23	104
3	Bản Mới	14	63
4	Đa Dưới	68	308
5	Đa Trên	35	158
6	Bản Suối	40	181
7	Luộc Khiếu	20	90
8	Bản Khuý	14	63
9	Nà Vị	75	339
10	Nà Quản	98	444
Tổng cộng		443	2004

(Nguồn: UBND xã Minh Long)

Trên địa bàn xã có chủ yếu 2 dân tộc anh em sinh sống chủ yếu trong đó: Tày chiếm 94,86%, Nùng chiếm 5,14%.

Bảng thống kê dân số theo dân tộc

TT	Dân tộc	Số hộ	Số người	Tỷ lệ %
1	Tày	443	1901	94.86
2	Nùng	24	103	5.14
Tổng số		467	2004	100

(Nguồn: UBND xã Minh Long)

b. Lao động và việc làm

Dân số trong độ tuổi lao động khoảng 930 người, chiếm 45,93% dân số toàn xã. Trong đó lao động nông – lâm nghiệp khoảng 868 người, chiếm 93,33%; còn lại là lao động phi nông nghiệp 62 người, chiếm 6,67% tổng số lao động toàn xã; trong đó lao động phi nông nghiệp đã qua đào tạo 179 người chiếm 19,25% tổng số lao động đã qua đào tạo. Nhìn chung, lực lượng lao động cả xã khá dồi dào, nhưng

phần lớn là lao động phổ thông, lao động trong lĩnh vực nông nghiệp, tay nghề lao động thấp hoặc không có tay nghề, lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật không nhiều, nhất là kỹ thuật cao.

c. Thu nhập

Tổng sản lượng lương thực quy thóc của cả xã đạt 291T/ năm

Thu nhập bình quân đầu người: 4,598 triệu đồng/ người/ năm.

4.1.3.4. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng xã hội

a. Giao thông

Toàn xã có tổng số 28 km đường giao thông nông thôn các loại, trong đó:

- Đường Tỉnh lộ 206 từ Nhà Quán đi Bản Thang có tổng chiều dài 10,5km, đã cứng hóa được 10,5 km, đạt 100%
- Đường liên xã, trục xã: Có tổng chiều dài 15,1 km, trong đó là đường đất và cấp phối.
- Đường liên thôn và trục thôn: Có tổng chiều dài 20,2 km, đã rải cấp phối 4,8 km, còn lại 15,4 km vẫn là đường đất
- Đường nội thôn, ngõ xóm: Có tổng chiều dài 38,83 km, đã cứng hóa được 11,588 km, rải cấp phối 1 km, còn lại 22,837 km vẫn là đường đất lầy lội về mùa mưa
- Đường nội đồng: Có tổng chiều dài 11,865 km, toàn bộ vẫn là đường đất không thuận lợi cho phát triển nông nghiệp trên địa bàn xã.

Bảng 4.3: Hiện trạng đường giao thông xã Minh Long

Stt	Loại đường	Tên tuyến	Hiện trạng tuyến đường		
			Tổng chiều dài (km)	Chiều dài đã được cứng hóa (km)	Tỷ lệ cứng hóa (%)
1	Tỉnh lộ	ĐT206	10,5	10,5	100
	Liên xã	ĐT206 – Nhà Vị	1,0	0	0
		Nà Vị - Pác Thảng	1,0	0,5	50
		Kéo Bắc – Bản Khúy	2,7	0	0
		Bản Thang – Luộc Khếnh	2,5	0	0
		Nà Vị - Phai Thằng	0,8	0	0
		Nà Quân – Sọc Riêng	0,39	0	0
		Nà Quân – Bản Suối	7,0	0	0
4	Liên thôn	Đa Trên – Đa Dưới	2,0	0	0
		Nà Quân – Bản Suối	6,0	0	0
		Bản Thang – Luộc Khếnh	1,5	0	0
		Luộc Khiếu – Bản Khúy	2,5	0	0
5	Thôn xóm	Xóm Nà Vị	0,54	0	0
		Xóm Nà Quân	2,35	0,47	20
		Xóm Đa Dưới	0,63	0,13	20,63
		Xóm Đa Trên	0,15	0	0
		Xóm Bản Thang	0,47	0,47	0,47
		Xóm Luộc Khếnh	3,14	0	0
		Xóm Luộc Khiếu	0,27	0	0
		Xóm Bản Khúy	0,2	0	0
6	Đường nội đồng	Xóm Nà Vị	4,793		
		Xóm Nà Quân	0,645		
		Xóm Đa Dưới	0,290		
		Xóm Bản Thang	1,850		
		Xóm Luộc Khiếu	0,446		
Tổng			53,664	12,07	191,1

(Nguồn: UBND xã Minh Long)

Chi tiết hiện trạng đường giao thông xã Minh Long được thể hiện ở biểu 03 phần phụ lục.

b. Hệ thống điện

- Trên địa bàn xã có 6 trạm biến áp tổng công suất 300 KVA, trong đó cả 6 trạm đều chưa đáp ứng được yêu cầu sử dụng điện, cần phải nâng cấp công suất các trạm và đầu tư xây mới thêm trạm biến áp.

- Tổng số đường dây trung thế dài 15 km và đường dây hạ thế dài 12,25 km. Toàn bộ đường dây trung thế và hạ thế trên địa bàn hiện đang còn tốt.

- Tổng số hộ được sử dụng điện lưới thường xuyên, an toàn từ các nguồn trên địa bàn xã là 448/460 hộ, chiếm 97,39%. Hiện tại chỉ còn 12 hộ chưa có điện.

Bảng 4.4 : Hiện trạng trạm biến áp và đường dây điện xã Minh Long

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng
A	Hiện trạng		
I	Trạm biến áp		6
1	Số trạm còn tốt	Trạm	6
2	Số trạm bị xuống cấp	Trạm	
3	Tổng công suất	KVA	300
II	Đường dây tải điện		
1	Trung thế	Km	15,0
1.1	Còn tốt	Km	15,0
1.2	Xuống cấp	Km	
2	Hạ thế	Km	12,25
2.1	Còn tốt	Km	12,25
2.2	Xuống cấp	Km	
B	Nhu cầu đầu tư		
I	Trạm biến áp		
1	Lắp đặt mới	Trạm	4
2	Nâng cấp	Trạm	
3	Tổng công suất sau đầu tư	KVA	500
II	Đường dây tải điện		
1	Trung thế	Km	3
1.1	Làm mới	Km	3
	Làm năm nào		
1.2	Nâng cấp	Km	
	Làm năm nào		
2	Hạ thế	Km	6,5
2.1	Làm mới	Km	6,5
	Làm năm nào		
2.2	Nâng cấp	Km	

(Nguồn: UBND xã Minh Long)

Nhìn chung hệ thống điện trên địa bàn xã đã đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện tuy nhiên chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng điện của người dân trên địa bàn, hiện vẫn còn 12 hộ chưa có điện sử dụng và điện áp không đảm bảo. Cần phải đầu tư thêm các trạm biến áp, hệ thống đường dây cao thế và hạ thế để đảm bảo tất cả các hộ đều được dùng điện. (các hộ di dân ra biên giới, hộ nghèo không có khả năng tự kéo dây điện).

Điện sinh hoạt hiện trạng tạm ổn, đủ cho nhân dân sử dụng theo nhu cầu, năm 2013 có 10/10 xóm được sử dụng điện với tổng số hộ sử dụng là 448 hộ.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng
I	Hiện trạng sử dụng điện		
1	Tổng số hộ	Hộ	460
2	Số hộ dùng điện	Hộ	448
	Số hộ dùng điện lưới quốc gia	Hộ	448
	Số hộ dùng điện từ các nguồn khác	Hộ	0
3	Chất lượng điện có đáp ứng được sinh hoạt và sản xuất	KVA	300
	Điện lưới quốc gia	Có/không	Không
	Nguồn khác	Có/không	
4	Số trường hợp bị điện giật trong năm	TH	0
5	Số trường hợp chập, cháy điện trong năm	TH	0

(Nguồn: UBND xã Minh Long)

c, Khuôn viên UBND xã

Trụ sở HĐND - UBND xã mới được xây dựng 3 tầng theo chuẩn. Tuy nhiên hiện nay các tổ chức đoàn thể chính trị trong xã còn thiếu phòng làm việc, các ban ngành đoàn thể phải làm việc tại trụ sở cũ đã xuống cấp nghiêm trọng, làm việc chung trong các phòng chật hẹp do đó cần xây mới nhà làm việc cho khối đoàn thể



Hình 3.1: UBND xã Minh Long

Ngoài ra các công trình phụ trợ còn nhiều thiếu thốn, chưa có nhà ăn, nhà công vụ, ... Hệ thống trang thiết bị còn nhiều thiếu thốn chưa đảm bảo được hiệu quả hoạt động của cán bộ.

d, Chợ

Trên địa bàn xã không có chợ, hiện người dân trong xã đang sinh hoạt chợ tại chợ Bằng Ca, thuộc xã Lý Quốc. Cách trung tâm xã 4 km. Nhìn chung việc trao đổi mua bán hàng hóa của bà con trên địa bàn tương đối thuận lợi, tuy nhiên do có vị trí địa lý thuận lợi, nằm trên trục đường từ Thị trấn huyện đến thác Bản Giốc do đó để phát triển các hoạt động thương mại, dịch vụ và du lịch do đó xã cần phải xây dựng chợ hoặc trung tâm thương mại.

e, Nhà ở dân cư nông thôn

Xã Minh long có 10 xóm phân bố theo từng vùng trong địa bàn xã gồm 460 hộ, bao gồm:

- Nhà xây cấp 4 có 336 nhà.
- Nhà xây kiên cố cao tầng có 37 nhà.

- Còn lại là nhà gỗ có 95 nhà (khung nhà bằng gỗ, mái lợp ngói địa phương, nhà sàn truyền thống mang hình thức kiến trúc mang một phong thái riêng của địa phương).

Hệ thống nhà ở trên địa bàn xã có nhiều loại hình thức khác nhau, chủ yếu nhà ở nông thôn truyền thống. Nhìn số nhà đạt chuẩn của bộ xây dựng là 138 nhà (chiếm 30%) và chưa đạt chuẩn 322 nhà (chiếm 70%).

Tổng số nhà tạm, dột nát trên địa bàn xã hiện đang còn 87 nhà, chiếm 18,91% tổng số nhà ở trên địa bàn.

Bảng 4.5: Hiện trạng nhà ở dân cư xã Minh Long

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Hiện trạng 2013		
			Tổng số	Đạt chuẩn bộ XD	Chưa đạt chuẩn Bộ XD
	Tổng số nhà ở dân cư	Nhà	460	138	322
1	Nhà xây kiên cố cao tầng	Nhà	37	37	
2	Nhà xây kiên cố 1 tầng	Nhà	0		
3	Nhà cấp 4	Nhà	336	101	235
4	Số nhà tạm, nhà dột nát	Nhà	87		87
	Tr.đó: Các hộ chính sách	Nhà	8		

(Nguồn: UBND xã Minh Long)

f, Các công trình văn hóa và khu thể thao

❖ Nhà văn hóa và khu thể thao xã

Xã Minh Long hiện chưa có nhà văn hóa và khu thể thao xã.

❖ Nhà văn hóa và khu thể thao thôn

Trong tổng số 10 xóm của xã hiện nay mới chỉ có 5 xóm có nhà văn hóa với diện tích bình quân là 200m²/nhà và bình quân mỗi nhà văn hóa có 35 chỗ ngồi.

So với quy định về nhà văn hóa đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL thì hiện nay 100% các nhà văn hóa xóm trên địa bàn xã đều chưa đạt chuẩn do không đảm bảo về diện tích, không có các trang thiết bị cần thiết theo quy định như bộ trang âm, bộ khánh tiết và các công trình phụ trợ nhà văn hóa (khu để xe, khu vệ sinh, vườn hoa, tường rào bảo vệ)

Toàn bộ các xóm đều chưa có khu thể thao.

4.1.3.5. Thực trạng văn hóa – xã hội

a. Giáo dục và đào tạo

Trên địa bàn xã chỉ có trường mầm non và trường tiểu học, không có trường THCS. Học sinh cấp THCS hiện đang học tại trường THCS Bằng Ca, xã Lý Quốc



Hình 3.2: Trường THPT Bằng Ca

❖ Trường mầm non, mẫu giáo Minh Long:

Gồm có 1 trường chính và 3 điểm trường (điểm trường Bản Suối, điểm trường Bản Thang, điểm trường học nhờ trường Tiểu học Minh Long rộng). Tổng số học sinh đang theo học là 113 học sinh. Trường mầm non Minh Long có 6 phòng học có 2 phòng còn tốt và 4 phòng đã xuống cấp. Hiện tại trường chưa có các phòng chức năng và các công trình phụ trợ. Trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy và học tập của nhà trường chưa đáp ứng được yêu cầu.

❖ Trường tiểu học Minh Long:

Gồm 1 trường chính và 2 điểm trường: điểm trường Bản Suối 548m², điểm trường Bản Thang rộng 210m², trường có 100 học sinh, bình quân 11.02 m²/học sinh. Trường có 11 phòng học trong đó 5 phòng còn tốt và 6 phòng đã xuống cấp.

Phòng chức năng của trường còn thiếu, hiện trường mới chỉ có phòng họp, phòng giám hiệu. Chưa có nhà để xe cho giáo viên.



Hình 3.3: Trường tiểu học Minh Long

Các trang thiết bị giảng dạy và học tập còn thiếu, cần được mua sắm bổ sung để đáp ứng yêu cầu dạy và học đạt chất lượng cao.

b. Văn hóa – thể thao

Nhìn chung công tác tuyên truyền, giáo dục toàn dân tham gia xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, cải táng, xây mộ, lễ hội, mừng thọ được phổ biến sâu rộng dưới nhiều hình thức, được toàn thể nhân dân trong xã đồng tình hưởng ứng và thực hiện đạt kết quả tốt, từng bước đẩy lùi các tệ nạn xã hội, những hủ tục lạc hậu dần bị loại bỏ. Thực hiện tốt đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Xây dựng và thực hiện tốt quy ước, hương ước cộng đồng. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Năm 2012, tất cả 10 thôn trong xã đã có quy ước văn hóa, không còn tình trạng khiếu kiện đông người và khiếu kiện vượt cấp. Tuy nhiên đời sống kinh tế người dân còn thấp (tỷ lệ người dân có đời sống kinh tế ổn định chỉ chiếm 50%), đời sống văn hóa tinh thần người dân chưa cao (số hộ trở lên được công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa” chỉ chiếm 63%; tình hình dịch bệnh và tình hình tệ nạn xã hội vẫn còn tái diễn); môi trường cảnh quan chưa sạch đẹp.

c. Y tế

Năm 2012, 100% người dân trên địa bàn đã tham gia các hình thức bảo hiểm y tế.

Trạm y tế xã đã được đầu tư xây dựng nhà cấp 4 kiên cố trên khuôn viên có diện tích là 455,9 m² tuy nhiên trang thiết bị còn nhiều thiếu thốn. Hiện trạm y tế chỉ có 1 phòng chức năng, 1 phòng bệnh, 1 khu vệ sinh, chưa có vườn thuốc nam, chưa có nhà bếp và nhà ăn cho cán bộ nhân viên.



Hình 3.4: Trạm y tế xã

Đội ngũ cán bộ của trạm y tế xã Minh Long có 5 người trong đó có 2 y sỹ và 2 cán bộ y tá, kỹ thuật viên, 1 dược sỹ và chưa có bác sỹ. Tất cả các xóm trên địa bàn xã đều có cán bộ y tế thôn bản.

Công tác chăm sóc sức khỏe người dân trên địa bàn xã trong những năm gần đây được chú trọng phát triển. Nhiều chương trình được triển khai tốt như tiêm chủng mở rộng, phòng chống sốt rét, phòng chống bưou cổ. Đến nay có 100% trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin theo quy định. Tuy nhiên tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng vẫn còn cao, chiếm 17,6% (năm 2012).

Xã chưa được công nhận chuẩn Quốc gia về công tác y tế.

d. Bưu chính viễn thông

Xã có một điểm bưu điện văn hóa đặt tại Nhà Quán, ở cạnh trụ sở UBND xã. Hiện trạng điểm bưu điện văn hóa xã là nhà cấp 4 diện tích khuôn viên 36,4m², công trình xây dựng từ năm 2002 – 2003 hiện đã xuống cấp.

Hiện nay hoạt động của điểm bưu điện văn hóa xã chủ yếu phục vụ cho công tác nhận chuyển thư, bưu phẩm, chưa có kết nối internet.

Số hộ sử dụng dịch vụ viễn thông (bao gồm cả điện thoại cố định và điện thoại di động) trên địa bàn chiếm 95%.

Mạng lưới thông tin liên lạc ngày càng phát triển, góp phần tích cực vào khai thác thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

e. An ninh quốc phòng

Xã có lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ, công an viên của 10 xóm có trưởng công an xã 1 phó công an xã

An ninh quốc phòng được đảm bảo, an ninh trật tự được giữ vững trên địa bàn xã Minh Long.

4.1.3.6. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và môi trường

a, Đánh giá hiện trạng kỹ thuật

Căn cứ vào các tài liệu, số liệu và quá trình điều tra thực địa tại xã Minh Long. Sơ bộ đánh giá hiện trạng của xã như sau:

Trên địa bàn xã có 2 trạm bơm tưới hiện đang còn tốt. Tổng số phai đập dâng là 6 cái trong đó phai đập còn tốt 3 cái, xuống cấp 3 cái.

Nhìn chung hệ thống thủy lợi chưa đáp ứng được nhu cầu sản xuất của người dân trên địa bàn. Tổng diện tích có nước tưới là 131,2 ha, chiếm 80% tổng diện tích đất sản xuất. Hệ thống thủy lợi đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ và đảm bảo nước tưới tiêu cho sản xuất trên địa bàn toàn xã.

Tổng số kênh mương cấp 3 do xã quản lý có chiều dài là 6,2 km trong đó đã kiên cố hóa được 4 km (chiếm 65,04%) còn lại là mương đất. Trong số các tuyến kênh mương đã được kiên cố hóa thì hiện có 3 km đã bị xuống cấp, không đảm bảo năng suất tưới cần được nâng cấp và tiếp tục kiên cố hóa 2,2 km mương đất trong thời gian tới để đáp ứng nhu cầu nước cho diện tích trồng trọt trên địa bàn.

Bên cạnh đó trên địa bàn hiện có 21 ống dẫn nước dài 84 m, chưa đáp ứng nhu cầu nước tưới tiêu diện tích đất trồng trọt trên địa bàn. Cần xây mới 600 m ống dẫn nước.

- Thoát nước mặt:

Xã Minh Long chưa có hệ thống thoát nước hoàn chỉnh, ao hồ là điều kiện tốt để tiêu thoát nước mặt và cải tạo vi khí hậu.

Bảng 4.6: Hiện trạng công trình thủy lợi xã Minh Long

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng
A	Hiện trạng		
I	Trạm bơm tưới, tiêu	Trạm	2
1	Số trạm còn tốt	Trạm	0
2	Số trạm đã xuống cấp	Trạm	2
3	Tổng công suất tưới	m ³ /h	
4	Năng lực tưới	Ha	7
II	Phai, đập dâng	CT	6
1	Số CT còn tốt	CT	3
2	Số CT đã xuống cấp	CT	3
3	Năng lực tưới	Ha	70
III	Hồ chứa		
1	Số CT còn tốt	CT	0
2	Số CT đã xuống cấp	CT	
4	Năng lực tưới	Ha	
II	Diện tích được tưới tiêu chủ động		
1	Tổng diện trồng trọt	Ha	122,34
2	Diện tích được tưới, tiêu	Ha	131,2
2	Diện tích được tưới tiêu chủ động	Ha	131,2
3	Tỷ lệ diện tích được tưới tiêu chủ động	%	80
B	Nhu cầu đầu tư		
I	Làm mới		
1	Trạm bơm tưới, tiêu	Trạm	2
2	Phai, đập dâng	Ct	2
3	Hồ chứa	Ct	1
II	Nâng cấp		
1	Trạm bơm tưới tiêu	Trạm	0
2	Phai, đập dâng	Ct	5
3	Hồ chứa	CT	0

(Nguồn: UBND xã Minh Long)

b, Cấp nước

- Nước sinh hoạt của nhân dân trong xã được cung cấp thông qua hệ thống bể chứa nước và ống dẫn từ đầu nguồn về các điểm dân cư tại các xóm (mỗi thôn có 1 hệ thống). Tính đến nay, toàn bộ xã đã có 31 bể nước. Tuy nhiên hiện nay hệ thống cấp nước cho nhân dân tại các xóm trong xã đang bị xuống cấp cần được sửa chữa, nâng cấp trong thời gian tới.

c, Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Nghĩa trang, nghĩa địa: Trên địa bàn xã chưa có nghĩa trang nhân dân theo quy hoạch. Chủ yếu các hộ vẫn đang tiến hành chôn cất ngay trong vườn để thuận tiện cho việc trông coi và hương khói.

d, Môi trường

Các hoạt động có nguy cơ làm suy giảm môi trường (nước thải, rác thải) đang diễn ra theo chiều hướng không tốt: Chất thải, rác thải, nước thải trong sản xuất và trong sinh hoạt được người dân xả thẳng ra môi trường, nên có khả năng gây nguy cơ cao về ô nhiễm môi trường.

Đất nông nghiệp của xã chủ yếu là đất soi bãi trong quá trình sử dụng đất nông nghiệp sử dụng nhiều thuốc bảo vệ thực vật và phân bón gây ô nhiễm môi trường đất, làm chai đất, có dấu hiệu thoái hóa và bạc màu. Do phát triển hạ tầng cùng với việc phát triển khu dân cư nên đất nông nghiệp dần bị thu hẹp.

Nguồn nước:

- Nước mặt: Các ao hồ trong khu dân cư, kênh mương là nguồn nước mặt cung cấp cho sinh hoạt cũng như sản xuất của nhân dân.

- Nước ngầm: Nguồn nước ngầm có ở độ sâu 4 – 10 m, chất lượng nước không đảm bảo.

Chất lượng không khí: Chất lượng không khí của khu vực nghiên cứu nhìn chung chưa bị ô nhiễm. Tuy nhiên nguồn không khí cũng bị ảnh hưởng từ hoạt động giao thông, từ rác thải sinh hoạt của nhân dân.

4.1.4. Đánh giá tổng hợp hiện trạng

4.1.4.1. Thuận lợi

Mặc dù là xã nghèo, nằm ở vùng sâu vùng xa của huyện Hạ Lang tuy nhiên xã Minh Long có rất nhiều tiềm năng phát triển kinh tế và văn hóa xã hội như:

- Lực lượng lao động dồi dào, người lao động cần cù, chịu khó, ham học hỏi.

- Hệ thống đường giao thông nối từ trung tâm huyện đến xã (tỉnh lộ 206 đi qua khu trung tâm xã, nối liền xã Lý Quốc với Đồng Loan, xã Đàm Thủy (huyện Trùng Khánh) tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, giao thông với nước bạn Trung Quốc và các xã lân cận, có hệ thống đường liên xã, liên thôn thông suốt, thuận lợi cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao đời sống tinh thần vật chất của nhân dân.

- Khí hậu mát mẻ quanh năm, mùa đông lạnh thuận tiện cho việc phát triển các loại cây ôn đới và các loại rau vụ đông như ngô, lúa, đỗ tương, sắn, mía, trâu, bò, lợn, dê,...Ngoài ra đây cũng là vùng có núi đá vôi nhiều với trữ lượng lớn, thuận lợi để phát triển sản xuất vật liệu xây dựng như đá xây dựng.

- Nguồn tài nguyên rừng trên địa bàn của xã cũng rất phong phú và đa dạng kể cả lâm sản gỗ và lâm sản ngoài gỗ, thuận tiện cho việc phát triển các hoạt động khai thác và chế biến lâm sản.

4.1.4.2. *Khó khăn*

- Cách xa khu trung tâm huyện và thành phố Cao Bằng.
- Trình độ dân trí của người dân còn thấp, tỷ lệ đồng bào dân tộc cao.
- Địa bàn rộng, các xóm cách xa trung tâm xã. Cơ sở hạ tầng thấp kém, hệ thống đường giao thông trong xã còn kém, người dân gặp nhiều khó khăn trong việc đi lại, vận chuyển hàng hóa.
- Thiếu trình độ khoa học kỹ thuật, tình hình sâu bệnh trên cây trồng vật nuôi

4.2. Đánh giá tình hình thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới xã Minh Long

Kết quả đánh giá tình hình thực hiện chương trình xây dựng NTM xã Minh Long tính đến tháng 6 năm 2014 được đem so sánh với 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM theo QĐ 491/QĐ-TTg và theo 5 nhóm tiêu chí cơ bản sau:

- Nhóm tiêu chí 1: Quy hoạch
- Nhóm tiêu chí 2: Hạ tầng kinh tế - xã hội
- Nhóm tiêu chí 3: Kinh tế và tổ chức sản xuất
- Nhóm tiêu chí 4: Văn hóa – Xã hội – Môi trường
- Nhóm tiêu chí 5: Hệ thống chính trị

4.2.1. Nhóm tiêu chí 1: Quy hoạch

Nhóm tiêu chí về quy hoạch có 1 tiêu chí trong xây dựng NTM là Quy hoạch và thực hiện quy hoạch và gồm có 3 chỉ tiêu, đó là:

- Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa, công nghiệp, TTCN, dịch vụ;
- Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội – môi trường theo chuẩn mới
- Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp.

Đánh giá chung: tiêu chí 1 có 0/3 chỉ tiêu đạt nên tiêu chí này chưa đạt

Bảng 4.7: Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí Quy hoạch

TT	Tên Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chuẩn Quốc gia theo vùng	Mức đánh giá	Ghi chú
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1 Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa, công nghiệp, TTCN, dịch vụ	Đạt	Chưa đạt	
		1.2 Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội – môi trường theo chuẩn mới			
		1.3 Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp			

- Nguyên nhân: Hiện nay xã chưa có quy hoạch xây dựng nông thôn mới bao gồm: Quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển nông nghiệp hàng hóa, TTCN và dịch vụ; Quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng Kinh tế-Xã hội-Môi trường; Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hoá tốt đẹp.

- Giải pháp thực hiện.

- Tổ chức họp dân để thông qua hình thức niêm yết công khai các bản vẽ quy hoạch.
- Lấy ý kiến toàn thể nhân dân trong xã về quy chế quản lý xây dựng nhà ở và các công trình hạ tầng.
- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động để toàn thể người dân biết, tham gia thực hiện và giám sát việc xây dựng theo quy hoạch và tuân thủ quy chế quản lý.
- Cần quy hoạch các rõ khu vực để thực hiện đúng các tiêu chí đề ra.

4.2.2. Nhóm tiêu chí 2: Hạ tầng kinh tế - xã hội

Nhóm tiêu chí về Hạ tầng kinh tế - xã hội có 8 tiêu chí và 16 chỉ tiêu, đó là:

4.2.2.1. Tiêu chí 2: Giao thông

Bao gồm 4 chỉ tiêu:

- Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT.
- Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT.
- Tỷ lệ km đường ngõ xóm sạch, không lầy lội vào mùa mưa.
- Tỷ lệ km đường trục nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện

Đánh giá chung:

- Tiêu chí 2: có 0/4 chỉ tiêu chưa đạt nên tiêu chí này chưa đạt
- Nguyên nhân: Mạng lưới giao thông nông thôn tại xã Minh Long chưa đạt tiêu chí bởi còn nhiều bất cập trong quá trình thực hiện, về việc chưa có một quy hoạch cụ thể về kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, cán bộ chuyên môn của xã còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu, người dân chưa chủ động, tích cực, còn ỷ lại vào sự hỗ trợ của Ngân sách Nhà nước.

Giải pháp thực hiện

Vốn: Huy động vốn từ Ngân sách nhà nước, dự án, dân đóng góp. ...

Đất: Huy động và tuyên truyền nhân dân hiến đất.

4.2.2.2. Tiêu chí 3: Thủy lợi

Tiêu chí này bao gồm 2 chỉ tiêu, đó là:

- Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh. Chưa đạt

- Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lí được kiên cố hóa. Đạt

Đánh giá chung:

- Tiêu chí 3: có 1/2 chỉ tiêu chưa đạt nên tiêu chí này chưa đạt
- Nguyên nhân:

Hệ thống thủy lợi cần được làm mới và nâng cấp thêm kênh mương và nhân dân trong xã chưa quan tâm tới nhiều, vẫn còn trạng thái sử dụng kênh mương hiện tại cho dù nó không đảm bảo về cung cấp nguồn nước tốt, thuận lợi cho nhu cầu sản xuất của người dân.

Giải pháp thực hiện.

- Tranh thủ sự hỗ trợ tối đa các nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước (vốn thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới, vốn lồng ghép các chương trình dự án khác như Chương trình kiên cố hóa kênh mương nội đồng).
- Tổ chức họp dân thảo luận phương án huy động vốn góp, huy động công sức của nhân dân để đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống kênh mương.
- Quản lý tốt các bước từ chuẩn bị đầu tư, triển khai, thực hiện dự án đến hoàn thành, quyết toán và bàn giao đưa công trình vào hoạt động, phục vụ sản xuất.
- Tăng cường công tác quản lý sau đầu tư có sự tham gia của người dân..

4.2.2.3. Tiêu chí 4: Điện

Bao gồm 2 chỉ tiêu:

- + Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện
- + Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn từ các nguồn

Đánh giá chung:

- Tiêu chí 4: có 2/2 chỉ tiêu đạt nên tiêu chí này đạt

4.2.2.4. Tiêu chí 5: Trường học

Bao gồm 1 chỉ tiêu:

Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất đạt chuẩn Quốc gia

Đánh giá chung:

- Tiêu chí 5 chưa đạt vì có 0/1 chỉ tiêu chưa đạt

- Nguyên nhân: Việc xây dựng các trường học cơ bản là đã đáp ứng yêu cầu của ngành và vùng, tuy nhiên vấn đề chưa được giải quyết là có đủ trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập của cán bộ, giáo viên và học sinh, vấn đề giải phóng mặt bằng, san ủi cho những ngôi trường còn chưa đảm bảo yêu cầu về sân chơi, bãi tập, cổng trường cũng đáng phải quan tâm.

Giải pháp thực hiện.

- Kết hợp vốn lồng ghép và ngân sách thành phố nhằm tạo nguồn lực cho các xã xây dựng hệ thống trường học

- Tổ chức giải phóng mặt bằng để xây dựng, cải tạo cơ sở vật chất cho các trường học.

- Thành lập tổ giám sát cộng đồng, tổ chức giám sát thi công các hạng mục công trình thuộc các trường học.

4.2.2.5. Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa

Bao gồm 2 chỉ tiêu:

- Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL.

- Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ VH – TT – DL.

Đánh giá chung:

- Tiêu chí 6: có 0/2 chỉ tiêu chưa đạt nên tiêu chí này chưa đạt

- Nguyên nhân: Do thiếu vốn và thiếu sự quyết tâm trong công tác xây dựng các công trình văn hóa – tinh thần của UBND xã và cấp trên.

Giải pháp thực hiện.

- Khuyến khích các cá nhân, tổ chức trên địa bàn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí trên địa bàn xã.

- Xây dựng phương án tạo nguồn vốn ngân sách xã (đấu giá quyền sử dụng đất) đầu tư cho việc xây dựng cơ sở vật chất văn hóa.

- Tổ chức họp dân thảo luận phương án huy động vốn góp và công sức của dân đầu tư cải tạo nâng cấp các nhà văn hóa thôn.

4.2.2.6. Tiêu chí 7: Chợ nông thôn

Bao gồm 1 chỉ tiêu:

Chợ đạt chuẩn của Bộ Xây dựng

Đánh giá chung:

- Tiêu chí 7: có 0/1 chỉ tiêu chưa đạt nên tiêu chí này chưa đạt
- Nguyên nhân: Việc triển khai xây dựng chợ tại xóm Nhà Quán cạnh UBND xã theo kế hoạch chưa được triển khai, do chưa có một bản quy hoạch chi tiết cho cơ sở hạ tầng này, ngoài ra khó khăn về vốn, cán bộ và nhân dân chưa thực sự có quyết tâm thực hiện do vậy việc giải phóng mặt bằng nên chợ chưa được tiến hành.

- Giải pháp thực hiện.

- Vốn ngân sách nhà nước, từ chương trình.
- Cần có quy hoạch cụ thể, rõ ràng.
- Kêu gọi đầu tư từ các công ty, doanh nghiệp.
- Vận động người dân đóng góp.

4.2.2.7. Tiêu chí 8: Bưu điện***Hình 3.5: Bưu điện***

Bao gồm 2 chỉ tiêu:

- Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông. Đạt
- Có internet đến thôn. Chưa đạt

Đánh giá chung:

- Tiêu chí 8: có 1/2 chỉ tiêu chưa đạt nên tiêu chí này chưa đạt

- Nguyên nhân: Việc đưa mạng internet về tới các thôn trong xã đang là vấn đề khó khăn của xã do địa hình xã chủ yếu là đồi núi nên kết nối mạng khó, chưa có sự đầu tư và sự vào cuộc cao.

Giải pháp thực hiện.

- Phối hợp với ngành bưu chính viễn thông lập dự án cải tạo nâng cấp điểm bưu điện văn hóa xã, nâng cấp thiết bị trung tâm, nâng cấp đường truyền Internet đến các xóm, đảm bảo đến năm 2015 ít nhất có 3 xóm có điểm truy cập internet công cộng tại nhà văn hóa.

- Thiết lập các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính kết hợp với điện thoại và Internet công cộng (điểm đa dịch vụ bưu chính, viễn thông công cộng)

4.2.2.8. Tiêu chí 9: Nhà ở dân cư



Hình 3.6: Dạng nhà ở cấp I



Hình 3.7: Dạng nhà tạm

Bao gồm 2 chỉ tiêu:

- Nhà tạm, nhà dột nát.

Đến năm 2014 toàn xã vẫn còn 87 ngôi nhà tạm, dột nát chưa được xây dựng đạt chuẩn nhà ở của Bộ xây dựng

- Tỷ lệ hộ có nhà đạt chuẩn của Bộ xây dựng

Đánh giá chung:

- Tiêu chí 9: có 0/2 chỉ tiêu chưa đạt nên tiêu chí này chưa đạt

- Nguyên nhân: Nhiều nhà ở tạm, dột nát vẫn còn chưa được đầu tư xây dựng do thiếu vốn hỗ trợ, ngoài ra do chưa giải phóng được mặt bằng khu đất dự kiến tiến hành xây dựng.

Giải pháp thực hiện.

- Nguồn vốn từ chương trình, ngân sách nhà nước để xây dựng khu dân cư.
- Vận động các hộ gia đình tự tu sửa, nâng cấp và cải tạo nhà ở, hệ thống điện, khuôn viên,....
- Có quy hoạch xây dựng và giải phóng mặt bằng.
- Hỗ trợ 1 phần vốn cho những hộ khó khăn.

Bảng 4.8: Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí Hạ tầng kinh tế - xã hội

TT	Tên Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chuẩn Quốc gia theo vùng	Mức đánh giá	Ghi chú
1	Giao thông	1.1 Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	100 %	Chưa đạt	0
		1.2 Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT	100%	Chưa đạt	0
		1.3 Tỷ lệ km đường ngõ xóm sạch, không lầy lội vào mùa mưa	100% cứng hóa	Chưa đạt	0
		1.4 Tỷ lệ km đường trục nội đồng được cứng hóa, xe cơ giới đi lại thuận tiện	100%	Chưa đạt	0
2	Thủy lợi	2.1 Hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh	Đạt	Chưa đạt	
		2.2 Tỷ lệ km kênh mương do xã quản lý đã được kiên cố hóa	85%	Chưa đạt	65,04%
3	Điện	3.1 Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện	Đạt	Đạt	
		3.2 Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn từ các nguồn	99%	Đạt	100
4	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật	100%	Chưa đạt	65

		chất đạt chuẩn quốc gia			
5	Cơ sở vật chất văn hóa	5.1 Nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL	Đạt	Chưa đạt	0
		5.2 Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ VH-TT-DL	100	Chưa đạt	0
6	Chợ nông thôn	Chợ đạt chuẩn của Bộ Xây dựng	Đạt	Chưa đạt	0
7	Bưu điện	7.1 Có điểm phục vụ bưu chính viễn thông	Đạt	Đạt	
		7.2 Có Internet đến thôn	Đạt	Chưa đạt	0%
8	Nhà ở dân cư	8.1 Nhà tạm, nhà dột nát	Không	Chưa đạt	Có
		8.2 Tỷ lệ hộ có nhà đạt chuẩn của Bộ XD	90%	Chưa đạt	30

4.2.3. Nhóm tiêu chí 3: Kinh tế và tổ chức sản xuất

Nhóm tiêu chí này gồm 4 tiêu chí và có 4 chỉ tiêu

4.2.3.1. Tiêu chí 10: Thu nhập

Bao gồm 1 chỉ tiêu:

+ Thu nhập bình quân người/ năm so với mức bình quân chung của tỉnh

Đánh giá chung:

- Tiêu chí 10 chưa đạt

- Nguyên nhân: Thu nhập của người dân trong xã chủ yếu là từ sản xuất nông nghiệp nên thấp, bình quân thu nhập 400- 600 nghìn/người/tháng, người dân chưa có đủ trình độ chuyên môn trong thâm canh nên chưa phát huy được hết thế mạnh của vùng.

Giải pháp thực hiện.

- Thực hiện các chương trình phát triển kinh tế chăn nuôi trang trại, hộ gia đình để nâng cao thu nhập cho người dân.
- Phát các cơ sở kinh doanh, sản xuất thủ công, tiểu thủ công nghiệp.
- Có các giống lúa mới, áp dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất....

4.2.3.2. Tiêu chí 11: Hộ nghèo

Bao gồm 1 chỉ tiêu là Tỷ lệ hộ nghèo, năm 2013 tỷ lệ hộ nghèo chiếm vẫn cao 51,7 %, chưa đạt tiêu chí NTM.

Đánh giá chung: Tiêu chí 11 chưa đạt

-Nguyên nhân: Trình độ dân trí còn thấp nên việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào thực tiễn còn chậm.

-Một số người còn trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước nên không có ý chí thoát nghèo.

Giải pháp thực hiện.

-Đào tạo các lớp tập huấn ứng dụng phát triển kinh tế để người dân thoát nghèo.

-Có nguồn vốn hỗ trợ để phát triển kinh tế.

-Vận động nhân dân tham gia các chương trình thoát nghèo....

4.2.3.3. Tiêu chí 12: Cơ cấu lao động

Bao gồm 1 chỉ tiêu: Tỷ lệ lao động trong độ tuổi lao động làm việc trong các lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp.

Đánh giá chung:

- Kết quả thực hiện: chưa đạt

- Nguyên nhân: chỉ tiêu này chưa đạt do lao động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp còn chiếm tỷ lệ khá cao, tuy có sự chuyển đổi cơ cấu lao động từ nông – lâm nghiệp sang công nghiệp - dịch vụ nhưng vẫn còn chậm nên lao động trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn chiếm đa số.

Giải pháp thực hiện.

- Liên kết với một số trường dạy nghề mở lớp đào tạo tại xã các nghề như: Quản lý điện, cơ khí, chăn nuôi, thú y... thông báo cho các nhà trường tuyển sinh số lao động trẻ để đào tạo nghề nhằm cung cấp lao động có trình độ cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, cụm công nghiệp của xã
- Tập trung đào tạo nghề phục vụ sự nghiệp xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là đào tạo nghề cho thanh niên phù hợp nhu cầu xã hội và thực tiễn

d, Tiêu chí 13: Hình thức tổ chức sản xuất

Bao gồm 1 chỉ tiêu: Có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả

Đánh giá chung:

Trên địa bàn xã chưa có mô hình tổ hợp tác hay HTX nào, hình thức sản xuất chủ yếu là cá thể hộ gia đình, quy mô sản xuất nhỏ lẻ do đó gặp rất nhiều khó khăn trong việc phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn.

Tiêu chí 13 chưa đạt

-Nguyên nhân: Chưa có quy mô tập trung phát triển từng khu vực.

Giải pháp thực hiện.

- Tiếp tục mở rộng các mô hình kinh tế tập thể và liên kết hợp tác sản xuất nông nghiệp tạo thành các vùng sản xuất hàng hóa.
- Đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền lựa chọn các doanh nghiệp về đầu tư xây dựng sản xuất kinh doanh trên địa bàn.
- Đẩy mạnh chỉ đạo phát triển sản xuất phấn đấu xã có 1-2 đề án phát triển kinh tế làm sao phát huy ngành hàng hóa sản phẩm trở thành thế mạnh của mỗi địa phương

Bảng 4.9: Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí Kinh tế và tổ chức sản xuất

TT	Tên Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chuẩn Quốc gia theo vùng	Mức đánh giá	Ghi chú
1	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm so với mức bình quân chung của tỉnh	1,5 lần	Chưa đạt	
2	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	<3%	Chưa đạt	51,7%
3	Cơ cấu lao động	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi làm việc trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp	25%	Chưa đạt	93,33%
4	Hình thức tổ chức sản xuất	Có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã hoạt động có hiệu quả	Có	Chưa đạt	Chưa có

4.2.4. Nhóm tiêu chí 4: Văn hóa – Xã hội – Môi trường

Nhóm tiêu chí này gồm có 4 tiêu chí và có 11 chỉ tiêu

a, Tiêu chí 14: Giáo dục

Tiêu chí này có 3 chỉ tiêu:

+ Phổ cập giáo dục trung học. Đạt

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề). Đạt

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo

Kết quả thực hiện: Gần đạt.

b, Tiêu chí 15: Y tế

Tiêu chí này gồm 2 chỉ tiêu

+ Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế. Đạt

+ Y tế xã đạt chuẩn Quốc gia. Chưa đạt

Đánh giá chung:

- Tiêu chí 15: có 1/2 chỉ tiêu đạt nên tiêu chí này chưa đạt

- Nguyên nhân: Trạm y tế xã chưa đạt chuẩn của Bộ Y tế do chưa giải phóng được mặt bằng của trạm y tế cũ để xây mới, chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xây dựng nên tới nay người dân trong xã chưa đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh tại xã mà thường phải xin giấy giới thiệu để khám, chữa bệnh tại bệnh viện huyện Hạ Lang. Đây là một bất cập của xã cần được giải quyết sớm. Trạm y tế xã đã được đầu tư xây dựng nhà cấp 4 kiên cố trên khuôn viên có diện tích là 455,9 m² tuy nhiên trang thiết bị còn nhiều thiếu thốn. Hiện trạm y tế chỉ có 1 phòng chức năng, 1 phòng bệnh, 1 khu vệ sinh, chưa có vườn thuốc nam, chưa có nhà bếp và nhà ăn cho cán bộ nhân viên.

Giải pháp thực hiện.

- Cần có quy hoạch về giải phóng mặt bằng.
- Có nguồn vốn đầu tư để tiêu chí được thực hiện đúng theo tiến độ.

c, Tiêu chí 16: Văn hóa

Tiêu chí này có 1 chỉ tiêu: Xã chỉ có 50% các thôn, bản đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ VH – TT – DL

Kết quả thực hiện: Gần đạt

Giải pháp thực hiện.

-Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh; giữ gìn vệ sinh công cộng, bảo vệ môi trường. Xây dựng và ban hành các qui ước cộng đồng về xây dựng nếp sống văn minh; phòng chống các hủ tục và tệ nạn xã hội.

-Phát động phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá. Nâng cao chất lượng phong trào "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", trọng tâm là xây dựng gia đình văn hoá, làng văn hoá, khu dân cư tiên tiến.

d, Tiêu chí 17: Môi trường

Tiêu chí này bao gồm 5 chỉ tiêu, đó là:

- + Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn Quốc gia.
- + Các cơ sở SX – KD đạt tiêu chuẩn về môi trường.

- + Không có các hoạt động gây suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp

- + Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch

- + Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định

Đánh giá chung:

- Tiêu chí 17: có 0/5 chỉ tiêu đạt nên tiêu chí này chưa đạt

Nguyên nhân: Hầu hết các chỉ tiêu trong tiêu chí về môi trường đều chưa đạt được.

Nước sinh hoạt của nhân dân trong xã được cung cấp thông qua hệ thống bể chứa nước và ống dẫn từ đầu nguồn về các điểm dân cư tại các xóm (mỗi thôn có 1 hệ thống). Tính đến nay, toàn bộ xã đã có 31 bể nước. Tuy nhiên hiện nay hệ thống cấp nước cho nhân dân tại các xóm trong xã đang bị xuống cấp cần được sửa chữa, nâng cấp trong thời gian tới.

Các cơ sở SX – KD hiện nay vẫn còn chưa quan tâm tới vấn đề bảo vệ môi trường, do chưa có biện pháp xử lý nghiêm khắc với những trường hợp này nên vẫn chưa chấm dứt được.

Chất thải, nước thải được xử lý luôn là vấn đề quan tâm nhất vì nó ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của con người, vẫn chưa có những khu xử lý tập trung chất thải, nước thải do chưa tìm được vị trí thích hợp để thực hiện nhiệm vụ này.

Giải pháp thực hiện.

- Hỗ trợ các cơ sở chăn nuôi, hộ chăn nuôi xây hầm khí sinh học Biogas và hệ thống xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Tuyên truyền, phổ biến luật bảo vệ môi trường nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong nhân dân.

- Hỗ trợ xây dựng các điểm thu gom rác thải, chỉnh trang lại nghĩa trang liệt sỹ và nghĩa trang nhân dân đảm bảo đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường.

- Đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền lựa chọn các doanh nghiệp về đầu tư xây dựng sản xuất kinh doanh trên địa bàn chấp hành tốt các quy định về bảo vệ môi trường trước mắt cũng như lâu dài.

Bảng 4.10. Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí Văn hóa – Xã hội – Môi trường

TT	Tên Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chuẩn Quốc gia theo vùng	Mức đánh giá	Ghi chú
1	Giáo dục	1.1 Phổ cập giáo dục trung học	Đạt	Đạt	100%
		1.2 Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề)	90%	Đạt	100%
		1.3 Tỷ lệ lao động qua đào tạo	40%	Chưa đạt	19,2%
2	Y tế	2.1 Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế	40%	Đạt	100 %
		2.2 Y tế xã đạt chuẩn quốc gia	Đạt	Chưa đạt	
3	Văn hóa	Xã có từ 70% các thôn, bản trở lên đạt tiêu chuẩn làng văn hóa theo quy định của Bộ VH- TT – DL	Đạt	Gần đạt	71,43%
4	Môi trường	4.1 Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia	90%	Chưa đạt	
		4.2 Các cơ sở SX – KD đạt tiêu chuẩn về môi trường	Đạt	Chưa đạt	
		4.3 Không có các hoạt động gây suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp	Đạt	Chưa đạt	
		4.4 Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch	Đạt	Chưa đạt	
		4.5 Chất thải, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định	Đạt	Chưa đạt	

Như vậy, trong nhóm tiêu chí thứ 4 về Văn hóa – Xã hội – Môi trường thì có 0/4 tiêu chí đạt, có 3/11 chỉ tiêu đạt.

4.2.5. Nhóm tiêu chí 5: Hệ thống chính trị

Nhóm này bao gồm 2 tiêu chí và có 5 chỉ tiêu:

a, Tiêu chí 18: Hệ thống tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh

Tiêu chí này có 4 chỉ tiêu:

- Cán bộ xã đạt chuẩn
- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định
- Đảng bộ, chính quyền xã đạt chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”
- Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên

Đánh giá chung: tiêu chí 18 có 4/4 chỉ tiêu đạt nên tiêu chí này **đạt**

b, Tiêu chí 19: An ninh, trật tự xã hội

Bao gồm 1 chỉ tiêu: An ninh, trật tự xã hội được giữ vững

Đánh giá chung: tiêu chí 19 có 1/1 chỉ tiêu đạt nên tiêu chí này **đạt**

Tóm lại, nhóm tiêu chí 5 về Hệ thống chính trị có 2/2 tiêu chí đạt, đạt 100%.

Bảng 4.11: Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí Hệ thống chính trị

TT	Tên Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chuẩn Quốc gia theo vùng	Mức đánh giá	Ghi chú
1	Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh	1.1 Cán bộ xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	
		1.2 Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt		
		1.3 Đảng bộ, chính quyền xã đạt chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”	Đạt		
		1.4 Các tổ chức đoàn thể chính trị của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên	Đạt		
2	An ninh, trật tự xã hội	An ninh, trật tự xã hội được giữ vững	Đạt		

4.2.6. Nhận xét

Như vậy, so sánh với Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng NTM mới theo Quyết định 491/QĐ-TTg, ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ, của xã Minh Long đến tháng 6 năm 2014 như sau:

Toàn xã thực hiện được 3/19 tiêu chí, đó là các tiêu chí:

- 1 Tiêu chí số 4: Điện
- 2 Tiêu chí số 18: Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh
- 3 Tiêu chí số 19: An ninh trật tự xã hội

Và còn 16/19 tiêu chí chưa đạt chuẩn so với bộ tiêu chí Quốc gia (QĐ số 491/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ), đó là các tiêu chí:

- 1 Tiêu chí số 1: Quy hoạch và thực hiện quy hoạch
- 2 Tiêu chí số 2: Giao thông
- 3 Tiêu chí số 3: Thủy lợi
- 4 Tiêu chí số 5: Trường học
- 5 Tiêu chí số 6: Cơ sở vật chất văn hóa
- 6 Tiêu chí số 7: Chợ nông thôn
- 7 Tiêu chí số 8: Bưu điện
- 8 Tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư
- 9 Tiêu chí số 10: Thu nhập
- 10 Tiêu chí số 11: Hộ nghèo
- 11 Tiêu chí số 12: Cơ cấu lao động
- 12 Tiêu chí số 13: Hợp tác xã
- 13 Tiêu chí số 14: Giáo dục
- 14 Tiêu chí số 15: Y tế
- 15 Tiêu chí số 16: Văn hóa
- 16 Tiêu chí số 17: Môi trường

Số tiêu chí mà xã thực hiện được cho đến tháng 6 năm 2014 sẽ được giữ vững và phát huy tốt vai trò của những tiêu chí đó và tiếp tục quan tâm thực hiện các tiêu chí còn lại, phấn đấu trong năm 2014 thực hiện 07 tiêu chí gần đạt (Quy

hoạch, thủy lợi, giáo dục, văn hóa, chợ nông thôn, trường học và y tế), đến hết năm 2014 toàn xã thực hiện 10/19 tiêu chí, đạt 52,6% kế hoạch.

Các tiêu chí chưa đạt sẽ chia ra đều cho mỗi năm. Cố gắng đến năm 2020 hoàn thành đúng tiến độ mà kế hoạch đã đề ra.

Thứ nhất: Những mặt tích cực

Sau 3 năm triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới. Bộ mặt nông thôn được đổi thay, khởi sắc hơn; cơ sở hạ tầng địa phương được cải thiện đáng kể, đời sống của nhân dân được nâng lên, nhận thức của Đảng viên và nhân dân trong việc xây dựng nông thôn mới được rõ ràng, nhất là trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

NTM đây là một chương trình lớn tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ xã Minh Long phát huy được năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành, bổ sung thêm được trình độ chuyên môn, từ đó phát huy được thể mạnh của từng cán bộ trong xã.

Công tác phát triển sản xuất nâng cao thu nhập cho người dân được quan tâm trú trọng, xã đã đưa được mô hình trồng lúa giống mới vào sản xuất, phát triển chăn nuôi đạt hiệu quả như: Mô hình nuôi lợn nái, lợn thịt siêu nạc, nuôi gà đẻ, ... nâng cao thu nhập cho nhân dân.

Trong những năm qua được sự quan tâm của các cấp đã đào tạo nghề cho chị em phụ nữ và nông dân được 230 người, đa số chăn nuôi cũng áp dụng được kiến thức được đào tạo vào thực tiễn.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban quản lý, Ban phát triển thôn để kịp thời nắm bắt, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình chỉ đạo tổ chức thực hiện.

Đảng ủy, các cấp chính quyền xác định công tác XD NTM là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài nên phải xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ổn định, bền vững.

Thứ hai: Mặt hạn chế

- Xã Minh Long có tiềm năng và lợi thế phát triển nông nghiệp lớn nhưng chưa phát huy triệt để và phát triển chưa bền vững;

- Công tác quy hoạch vùng sản xuất tập trung còn chậm, sản xuất với quy mô nhỏ lẻ, lối canh tác cũ chậm được xoá bỏ, ruộng đất manh mún;

- Doanh nghiệp ở nông thôn (kể cả doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh nông nghiệp) ít, quy mô nhỏ. Kinh tế hợp tác xã phát triển chậm;

- Mặc dù đã xác định vai trò chủ thể song nông dân còn thiếu năng lực để thực sự làm chủ nông thôn mới. Các thể chế và cơ chế để nêu cao vai trò chủ thể của nông dân chậm được hình thành. Nhận thức của một bộ phận nông dân chưa chuyển biến tích cực. Huy động sức dân còn hạn chế;

- Chất lượng lao động nông nghiệp, nông thôn còn thấp so với yêu cầu, đòi hỏi của quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa;

- Các lĩnh vực y tế, văn hoá, giáo dục ở nông thôn, nhất là bậc học mầm non, xây dựng thiết chế văn hoá làng, xã, bảo tồn và phát triển văn hoá truyền thống đã có chuyển biến tích cực, song vẫn còn chênh lệch lớn so với đô thị.

- Xã hội nông thôn vẫn tiềm tàng nhiều vấn đề dễ gây mất ổn định như: sở hữu đất đai, chính sách đền bù giải phóng mặt bằng, thu nhập thấp, dân trí chưa cao.

Thứ ba: Nguyên nhân

Khách quan

- Suy thoái kinh tế thế giới kéo dài, kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn, tác động trực tiếp đến thị trường tiêu thụ sản phẩm của nông dân, chưa có đầu ra ổn định, đồng thời hạn chế các nguồn lực đầu tư và thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Nhu cầu đầu tư cho phát triển nông nghiệp nông thôn lớn song khả năng đáp ứng nguồn lực còn thấp, trong khi tỷ suất đầu tư ở vùng sâu, vùng xa lớn.

- Chiến lược phát triển ngành nông nghiệp quốc gia còn hạn chế, chưa tạo sức cạnh tranh cho sản phẩm nông sản ở các thị trường khu vực và thế giới dẫn đến tình trạng người nông dân sản xuất hàng hóa tiêu thụ kém, giá thấp, sản phẩm nông sản bị ế đọng.

- Cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp nông thôn còn chậm; Chính sách tín dụng chưa đủ mạnh kích cầu đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Chủ quan

- Nhận thức đúng và đầy đủ về vai trò đặc biệt quan trọng của nông nghiệp, nông dân và nông thôn còn chưa đúng mức, ngoài chương trình xây dựng nông thôn mới được tổ chức tốt, các hoạt động phát triển nông nghiệp, phối hợp các chương trình mục tiêu quốc gia chưa đồng bộ và thường xuyên.

- Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất ở khu vực nông thôn đang bộc lộ rõ những bất cập trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự quản lý của Nhà nước.

- Mô hình kinh tế hộ gia đình chưa tạo ra sự đột biến, sản xuất hàng hóa chậm phát triển, đời sống nhân dân chậm được cải thiện, sản phẩm nông nghiệp chưa tạo ra sức cạnh tranh.

- Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện ở cơ sở còn hạn chế, chất lượng và kỹ năng công tác của cán bộ quản lý, thiếu đội ngũ cán bộ giỏi về xây dựng nông thôn mới làm nòng cốt chỉ đạo thực hiện ở cấp xã.

- Tư tưởng trông chờ ỷ lại vào sự đầu tư của Nhà nước còn tồn tại ở một bộ phận không nhỏ cán bộ công chức và nông dân;

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, dạy nghề cho nông dân hiệu quả chưa cao; thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ nông nghiệp, nông thôn.

4.3. Giải pháp thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới

Để đạt 16/19 tiêu chí Nông thôn mới còn lại thì xã cần có những giải pháp cụ thể để nhanh chóng đạt được các tiêu chí đó.

Em xin đề xuất một số giải pháp xây dựng hướng tới đạt Bộ tiêu chí về nông thôn mới.

4.3.1. Tổ chức thực hiện

- Thành lập ban quản lý xây dựng NTM cấp xã. Bố trí cho địa phương cán bộ chuyên trách về NTM.

- Nêu cao vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền.

- Làm tốt công tác tuyên truyền vận động cán bộ và nhân dân cùng nhau tích cực tham gia xây dựng NTM, từ đó làm cho dân hiểu vai trò của họ trong việc xây dựng mô hình NTM.

4.3.2. Giải pháp huy động các nguồn lực

- Khai thác các nguồn thu từ đất: Phí. lệ phí, tiền cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất.

- Ngân sách nhà nước cấp theo các hạng mục, kế hoạch triển khai xây dựng NTM tại địa phương.

- Vốn từ các chương trình, dự án đang và sẽ đầu tư trên địa bàn.

- Huy động nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp, HTX, tổ chức kinh tế và tư nhân cho các nội dung xây dựng NTM.

- Huy động nguồn vốn từ nhân dân thông qua các hình thức như đóng góp bằng tiền, bằng công lao động, đóng góp bằng đất (mặt bằng) xây dựng công trình.

4.3.3. Giải pháp về đất đai

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc thuê đất, cấp quyền sử dụng đất cho các dự án chế biến dịch vụ, các chủ trang trại, hộ gia đình và mở rộng diện tích cho các trang trại.

- Khuyến khích các hộ chuyển nhượng đổi thửa tạo điều kiện tích tụ ruộng đất, chuyển đổi từ đất lúa một vụ năng suất kém sang nuôi trồng thủy sản...

4.3.4. Giải pháp về khoa học công nghệ

Chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ, đưa các giống cây trồng vật nuôi có phẩm chất tốt, sản phẩm chất lượng cao vào sản xuất. Áp dụng công nghệ mới trong công nghiệp chế biến, bảo quản sản phẩm nông nghiệp, mở rộng các mô hình trại (VAC, vườn đồi, ...) trong sản xuất nông - lâm nghiệp.

4.3.5. Giải pháp văn hóa, xã hội, môi trường.

- Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trong công tác dạy và học.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng hoạt động khuyến học, khuyến tài, phối hợp tốt giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề lao động trẻ, tập huấn kỹ thuật cho người lao động.

- Xây dựng và ban hành các quy ước cộng đồng về xây dựng nếp sống văn minh; phòng chống các hủ tục và tệ nạn xã hội.

- Bảo vệ và tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa, duy trì và phát triển các lễ hội truyền thống đặc sắc; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể trên địa bàn xã.

PHẦN 5

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1 Kết luận

1. Xã Minh Long có tổng diện tích tự nhiên theo địa giới hành chính là 3.932,69 ha, tiếp giáp với các xã như:

- + Phía Bắc giáp Trung Quốc
- + Phía Nam giáp xã Đồng Loan, huyện Hạ Lang
- + Phía Tây giáp xã Đàm Thủy, huyện Trùng Khánh
- + Phía Đông giáp xã Lý Quốc

Xã có đường tỉnh lộ, và giáp biên giới trung quốc nên khá thuận tiện trong giao lưu, trao đổi với các xã, huyện khác lân cận. Tuy nhiên, xã còn gặp nhiều khó khăn trong mọi lĩnh vực vì vậy cần được quan tâm đầu tư trong thời gian tới.

2. Đánh giá chương trình xây dựng Nông thôn mới xã Minh Long, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng là việc làm rất cần thiết nhằm tạo cơ sở cho việc thúc đẩy hoàn thành nhanh 19 tiêu chí trong Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng Nông thôn mới, đồng thời thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội chung của xã.

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng quy hoạch nông thôn mới là một chương trình tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội, chính trị và an ninh quốc phòng. Đánh giá tình hình thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới đến tháng 6 năm 2014 của xã theo 19 tiêu chí của Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM, đạt được những kết quả sau:

- Xã Minh Long đạt 3/19 tiêu chí theo Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới.
- + Tiêu chí số 4: Điện
- + Tiêu chí số 18: Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh
- + Tiêu chí số 19: An ninh trật tự xã hội

Và còn 16/19 tiêu chí chưa đạt chuẩn so với Bộ tiêu chí Quốc gia.

- Có định hướng cụ thể, chi tiết để hoàn thành mục tiêu đạt 19/19 tiêu chí, theo phương hướng nhiệm vụ đến hết năm 2014 đạt thêm 7 tiêu chí gần đạt;

Đánh giá các tiêu chí chưa đạt được của chương trình xây dựng Nông thôn mới xã Minh Long góp phần nhìn nhận và đánh giá hiện trạng, những thuận lợi và khó khăn mà cán bộ và nhân dân trong xã đang gặp phải để từ đó có hướng đi đúng đắn và có những giải pháp hợp lý để nhanh chóng đưa xã Minh Long trở thành xã nông thôn mới.

3. Trong những năm tới xã sẽ tiếp tục đẩy mạnh thực hiện nhằm hoàn thành nhanh các tiêu chí chưa đạt, phát huy các tiêu chí đã đạt một cách bền vững, phấn đấu đạt 19/19 tiêu chí, đạt 100% các tiêu chí trong Bộ tiêu chí Quốc gia về Nông thôn mới mà Chính phủ đã đề ra, từ đó sẽ làm thay đổi bộ mặt nông thôn xã Minh Long nói riêng và huyện Hạ Lang nói chung theo chiều hướng tích cực hơn.

Để đạt được kết quả như mong muốn xã cần có những giải pháp cụ thể về:

1. Tổ chức thực hiện
2. Giải pháp huy động các nguồn lực
3. Giải pháp về đất đai
4. Giải pháp về khoa học công nghệ
5. Giải pháp văn hóa, xã hội, môi trường.

5.2. Kiến nghị

Xây dựng nông thôn mới xã Minh Long giai đoạn 2012-2020 bao gồm rất nhiều hạng mục đầu tư khác nhau, khối lượng công việc rất lớn và tập trung trong thời gian tương đối ngắn. Để thực hiện thành công chương trình xây dựng nông thôn mới, em xin kiến nghị:

Một là: Về thực thi chính sách, pháp luật liên quan đến NTM

- Đề nghị Ủy ban nhân huyện sớm phê duyệt đồ án để xã có cơ sở triển khai thực hiện nội dung xây dựng nông thôn mới.

- Lập dự án đầu tư theo danh mục các dự án ưu tiên đã nêu trong đồ án.

- Cần có cơ chế quản lý các Chương trình, dự án đầu tư xây dựng nông thôn mới; cơ chế lồng ghép các chương trình, dự án đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp, nông dân,

nông thôn, cơ chế huy động các nguồn lực đóng góp từ bên ngoài để hỗ trợ Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Phân cấp quản lý rõ ràng cho từng lĩnh vực. Xác định rõ mục tiêu cụ thể cần thực hiện .

Hai là: Về quy hoạch

- Có kế hoạch đào tạo cán bộ chuyên trách trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức nông thôn mới phù hợp ở cấp huyện, cấp xã để qua đó tuyên truyền nhân rộng các mô hình; để làm tốt công tác quản lý quy hoạch. Có sự kết nối quy hoạch về giao thông, xây dựng, thủy lợi ...

Ba là: Về nguồn tài chính cho NTM

- Đề nghị Tỉnh, huyện có chương trình, kế hoạch, hướng dẫn cụ thể trong việc huy động các nguồn vốn để thực hiện các nội dung phát triển nông thôn mới trên địa bàn Minh Long. Ngoài những nguồn vốn từ chương trình và chính sách hỗ trợ các xã đặc biệt khó khăn như Chương trình 134, 135, Nghị quyết 30a... thì cần sự vào cuộc của rất nhiều tổ chức, cá nhân, đặc biệt từ phía các doanh nghiệp.

- Là một xã không được huyện chọn làm điểm về xây dựng nông thôn mới, điều kiện kinh tế còn khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, thu nhập của nhân dân còn thấp. Đề nghị nhà nước hỗ trợ đầu tư kinh phí trọng điểm để xây dựng cơ sở hạ tầng từ xã đến xóm, có phương thức đối ứng nhà nước và nhân dân cùng làm (nhân dân đối ứng bằng hiến đất, ngày công, đối ứng nhà nước 70% nhân dân 30%)

- Hỗ trợ các hộ dân hiến đất xây dựng các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn, hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu ngành nghề lao động, có chính sách thống nhất điều chỉnh hạn mức đất đai.

4. Về tuyên truyền, phổ biến về NTM

- Phải làm tốt công tác tuyên truyền vận động để quán triệt, triển khai tới toàn bộ, Đảng viên và mọi tầng lớp nhân dân để mọi người hiểu rõ lợi ích của việc XD NTM. Chú trọng khuyến khích người có đóng góp nhiều, mềm dẻo, kiên trì thuyết phục nhân dân tích cực tham gia. Cần cho họ biết là họ cần làm gì để phục vụ lợi ích cho chính mình.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo phải tập trung quyết liệt, có trọng tâm trọng điểm, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát. Trong khi triển khai phải phân định rõ ràng nội dung công việc của xã, của thôn, của người dân từ đó chủ động triển khai thực hiện.
- Cán bộ chỉ đạo thực hiện phải vô tư, khách quan, nhiệt tình, trách nhiệm không ngại khó. Trong quá trình thực hiện những phát sinh vướng mắc cần phải được làm rõ và giải quyết dứt điểm ngay.
- Phải xác định được nguồn lực tại chỗ của địa phương, phát huy tốt nội lực trong dân nhưng cơ chế chính sách hỗ trợ từ cấp trên định hướng tạo đà cho địa phương có cơ sở để phấn đấu thực hiện chương trình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tuấn Anh, Kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới ở một số nước trên thế giới.
2. Bộ xây dựng, Thông tư số 31/2009/TT-BXD ngày 10/09/2009 của Bộ Xây dựng V/v Ban hành Tiêu chuẩn Quy hoạch xây dựng nông thôn mới;
3. Bộ Tư Pháp, Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành luật đất đai năm 2003;
4. Nghị quyết 26/NQ-TW ngày 5/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương VII (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;
5. Người lao động, 11 xã điểm xây dựng nông thôn mới.
6. Báo cáo bằng, nông nghiệp nông thôn mới
7. Lương Thị Thùy (2013), “Đánh giá tình hình thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới tại xã Tú thịnh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang”, Khóa luận tốt nghiệp đại học ngành Quản lý đất đai, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, Hà Nội.
8. Số liệu thống kê đất đai năm 2012, 2013 và biểu kiểm kê đất đai năm 2013 của xã Minh Long, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng;
9. Thư viện pháp luật, Thông tư số 08/2007/TT-BTNMT ngày 02/08/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
10. Thư viện Luật trực tuyến, Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 16/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới và Đề án thí điểm xây dựng mô hình nông thôn mới;
11. Thư viện pháp luật, Thông tư số 54/2009/TT – BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;
12. Thư viện pháp luật, Thông tư số 28/2004/TT-BTN&MT ngày 01/11/2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
13. UBND xã Minh Long, Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2013 của xã Minh Long, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng;

PHẦN PHỤ LỤC

Biểu 01: Hiện trạng sử dụng đất của xã Minh Long năm 2013

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1	2	3	4
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN	3.932,69	100,00
1	Đất nông nghiệp	3743,33	95,18
1,1	Đất lúa nước	377,57	9,63
1,2	Đất trồng lúa nương		-
1,3	Đất trồng cây hàng năm còn lại	241,11	6,15
1,4	Đất trồng cây lâu năm		-
1,5	Đất rừng phòng hộ	3133,3	79,90
1,6	Đất rừng đặc dụng	-	-
	<i>Trong đó: Khu bảo tồn thiên nhiên</i>	-	-
1,7	Đất rừng sản xuất	1.102,73	28,12
1,8	Đất nuôi trồng thủy sản	0,58	0,01
1,9	Đất làm muối	-	-
1,1	Đất nông nghiệp khác	-	-
2	Đất phi nông nghiệp	99,27	2,52
2,1	Đất XD trụ sở CQ, công trình sự nghiệp	0,09	0,08
2,2	Đất quốc phòng	0,24	0,23
2,3	Đất an ninh		-
2,4	Đất khu công nghiệp		-
2,5	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh		-
2,6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng gồm sứ		-

2,7	Đất cho hoạt động khoáng sản		-
2,8	Đất di tích danh thắng		-
2,9	Đất xử lý. chôn lấp chất thải		-
2,1	Đất tôn giáo. tín ngưỡng	0,20	0,19
	Đất nghĩa trang. nghĩa địa	1,20	1,13
	Đất sông suối và mặt nước chuyên dụng	52,23	49,19
	Đất phát triển hạ tầng	52,23	49,19
	Đất phi nông nghiệp khác	-	
3	Đất chưa sử dụng	90,09	2,30
4	Đất khu du lịch		
5	Đất khu dân cư nông thôn	20,47	0,52
	<i>Trong đó: Đất ở tại nông thôn</i>	<i>20,47</i>	<i>0,52</i>

Biểu 02: Hiện trạng cây trồng, vật nuôi toàn xã năm 2013

TT	Cây trồng	Năm 2013		
		DTGT (ha)	NS (tạ/ha)	Sản lượng (Tấn.đ)
I	Cây lương thực			
1	Lúa Xuân	66	30	196,8
2	Lúa Mùa	101	38	385,3
4	Ngô	57	30	171,0
II	Cây có củ			-
1	Khoai lang			-
2	Sắn	10	120	120,0
3	Dong riềng			-
III	Cây CN ngắn ngày			-
1	Lạc	3	5	1,6
2	Đậu tương	26	6	14,6

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013
I	Qui mô		
1	Đàn trâu	Con	393
	Trong đó: Trâu thịt	Con	218
	Trâu sinh sản	Con	131
	Nghé	Con	44
2	Đàn bò	Con	520
	Bò cày kéo	Con	200
	Bò sinh sản	Con	173
	Bê	Con	58
3	Đàn lợn		1417
	Lợn thịt	Con	1332
	Lợn sinh sản	Con	85
	Tỷ lệ lợn nạc/tổng đàn	%	
4	Đàn gia cầm		5140
	Gà	con	2910
	Gà thịt	con	1990
	gà đẻ	con	920
	Thủy cầm: vịt, ngan	con	2230
5	Dê	Con	292
6	Ngựa		20
7	Ong	Đàn	
8	DT nuôi trồng thủy sản	Ha	1,2
II	Sản phẩm chính		
1	Thịt trâu bò hơi	Tấn	7,53
2	Thịt lợn hơi	Tấn	86,58
3	Thịt gia cầm	Tấn	6,33
4	Trứng	1000 quả	22,1